

# BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

## CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VICEM

### HOÀNG MAI

Năm báo cáo: 2014



#### **I. Thông tin chung**

##### *1. Thông tin khái quát*

- Tên giao dịch: CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VICEM HOÀNG MAI
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 2900329295 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp, đăng ký thay đổi lần thứ nhất ngày 12 tháng 10 năm 2010, đăng ký thay đổi lần thứ hai ngày 24 tháng 08 năm 2011, đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 23 tháng 04 năm 2012, đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 08 tháng 07 năm 2013, đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 15 tháng 11 năm 2013, đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 25 tháng 12 năm 2014.
- Vốn điều lệ: 720.000.000.000 VNĐ (Bằng chữ: Bảy trăm hai mươi tỷ đồng )
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 720.000.000.000 VNĐ (Bằng chữ: Bảy trăm hai mươi tỷ đồng)
- Địa chỉ: Khối 7, Phường Quỳnh Thiện, Thị xã Hoàng Mai, Tỉnh Nghệ An
- Số điện thoại: (84-38) 3 866 170
- Số fax: (84-38) 3 866 648
- Website: [www.ximanghoangmai.com.vn](http://www.ximanghoangmai.com.vn)
- Mã cổ phiếu: HOM



*Trụ sở Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai*



*Toàn cảnh nhà máy Xi măng Vicem Hoàng Mai*

## *2. Quá trình hình thành và phát triển*

Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai tiền thân là Công ty Xi măng Nghệ An (trực thuộc UBND tỉnh Nghệ An) được thành lập theo Quyết định số 2629/QĐ.UB ngày 07/10/1995 của UBND tỉnh Nghệ An. Công ty được hình thành để làm chủ đầu tư Dự án xi măng Hoàng Mai được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 216/QĐ-TTg ngày 15/4/1996. Nhà máy xi măng có công suất 1,4 triệu tấn xi măng/năm với tổng mức đầu tư 238 triệu USD từ nguồn vốn vay trong và ngoài nước.

Ngày 09/06/1999, Dự án xi măng Hoàng Mai tiến hành khởi công đồng loạt các hạng mục công trình chính thuộc dây chuyền sản xuất và sau 32 tháng khởi công xây dựng, ngày 6/3/2002, Nhà máy đã cho ra những tấn clinker đầu tiên đạt chất lượng tốt. Xi măng Hoàng Mai là một trong số ít các nhà máy xi măng tại Việt Nam mà quá trình sản xuất ngay từ đầu đã cho ra những tấn clinker tốt nhất, không có phế liệu trong quá trình hiệu chỉnh, nghiệm thu chạy thử nhà máy.

Trước những đòi hỏi về nhu cầu nhân lực nhằm đáp ứng quá trình vận hành nhà máy và công tác sản xuất kinh doanh lâu dài, được sự chấp thuận của Chính phủ tại văn bản số 954/CP-ĐMDN ngày 18/10/2000, UBND Tỉnh Nghệ An và Tổng công ty Xi măng Việt Nam (nay là Tổng công ty Công nghiệp XM Việt Nam) đã ký Biên bản bàn giao Công ty Xi măng Nghệ An thuộc UBND tỉnh Nghệ An trở thành thành viên hạch toán độc lập thuộc Tổng công ty Xi măng Việt Nam và đổi tên là Công ty Xi măng Hoàng Mai.

Từ ngày 01/07/2002, sau quá trình sản xuất thử, Công ty Xi măng Hoàng Mai chính thức đi vào hoạt động với dây chuyền sản xuất xi măng hiện đại, các thiết bị được cung cấp bởi Tây Âu và khối G7. Nhà máy có lò nung với công suất 4.000 tấn clinker/ngày đốt 100% bằng than Antraxit tiết kiệm nhiên liệu và mang lại hiệu quả kinh tế cao; phương thức kinh doanh áp dụng mô hình bán hàng thông qua hệ thống nhà phân phối chính.

Ngày 09/03/2007 Bộ Xây dựng ban hành Quyết định số 367/QĐ-BXD về việc thực hiện cổ phần hóa các công ty thành viên hạch toán độc lập thuộc Tổng công ty xi măng Việt Nam.

Ngày 30/11/2007 Công ty Xi măng Hoàng Mai đã tổ chức bán đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng tại Trung tâm giao dịch chứng khoán Hà Nội.

Ngày 27/02/2008 Hội đồng quản trị Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam ban hành Quyết định số: 219/QĐ-XMVN về việc điều chỉnh phương án cổ phần hoá và chuyển Công ty Xi măng Hoàng Mai thành Công ty Cổ phần Xi măng Hoàng Mai.

Ngày 01/04/2008 Công ty Cổ phần Xi măng Hoàng Mai đã chính thức đi vào hoạt động với số vốn điều lệ 720 tỷ đồng, trong đó vốn Nhà nước chiếm tỷ lệ 70,96% tương đương 510,918 tỷ đồng.

Ngày 09/07/2009 Công ty Cổ phần Xi măng Hoàng Mai chính thức niêm yết 72.000.000 cổ phiếu trên sàn giao dịch chứng khoán của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán HOM.

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2011 đã được thông qua, ngày 18/08/2011 Công ty đã thay đổi tên thành Công ty CP xi măng Vicem Hoàng Mai.

### *3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh*

- Ngành nghề kinh doanh chính: Sản xuất, kinh doanh Xi măng, Clinker và Vật liệu xây dựng.

- Địa bàn kinh doanh chính: Các tỉnh Bắc Miền Trung (Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị).

### *4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý*

Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai được tổ chức và hoạt động tuân thủ theo Luật doanh nghiệp năm 2005, các luật khác có liên quan và Điều lệ Công ty.

- **Mô hình quản trị:** Công ty tổ chức giám sát công việc theo mô hình ma trận mở; bảo đảm thực hiện tốt quy chế dân chủ, phát huy trí tuệ tập thể, đồng bộ trong chỉ đạo điều hành của Công ty, trên nguyên tắc tập dân chủ, dưới sự lãnh đạo của Đảng, xác định rõ chức năng, nhiệm vụ, trách nhiệm và quyền hạn của cá nhân Tổng Giám đốc và các Phó Tổng Giám đốc khi thực thi nhiệm vụ được giao.

# SƠ ĐỒ TỔ CHỨC BỘ MÁY CÔNG TY CP XI MĂNG VICEM HOÀNG MAI

Ban hành kèm theo Quyết định số 44/QĐ.XMHHM-HĐQT ngày 01/08/2014 của HĐQT Công ty)



**- Cơ cấu bộ máy quản lý:**

**Đại hội đồng cổ đông:** Là cơ quan quyền lực cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông bầu ra HĐQT của Công ty, HĐQT là cơ quan quản lý cao nhất giữa hai kỳ đại hội cổ đông, có trách nhiệm quản lý và tổ chức thực hiện các nghị quyết của đại hội cổ đông cùng kỳ, có toàn quyền nhân danh công ty, thay mặt cổ đông để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội cổ đông được quy định trong điều lệ của Công ty. Hàng năm HĐQT chuẩn bị kỹ lưỡng để kỳ họp ĐHCĐ được tổ chức một cách chuyên nghiệp, hiệu quả, đảm bảo cho các cổ đông thực hiện được đầy đủ các quyền của cổ đông.

**Hội đồng quản trị:** Thực hiện nhiệm vụ quyền hạn của mình, Hội đồng quản trị tổ chức họp định kỳ mỗi quý một lần, kiểm điểm phân tích đánh giá tình hình sản xuất kinh doanh và các hoạt động khác của Công ty, tình hình thực hiện các nghị quyết của Đại hội cổ đông, cụ thể hoá các kế hoạch, nhiệm vụ và giao cho Tổng Giám đốc điều hành tổ chức thực hiện.

**Ban kiểm soát:** Do Đại hội cổ đông bầu ra và chịu trách nhiệm trước các cổ đông và pháp luật về những kết quả công việc của Ban kiểm soát với Công ty;

**Bộ máy điều hành:** Đứng đầu bộ máy điều hành là Ủy viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng giám đốc. Giúp việc cho Tổng giám đốc có các phó Tổng giám đốc phụ trách về các lĩnh vực như công nghệ và nội chính; cơ điện; kinh doanh.

Hiện nay, để đáp ứng nhu cầu sản xuất kinh doanh theo nhu cầu của thị trường, Công ty đã thành lập 22 phòng, ban, xưởng, đơn vị trực thuộc và 01 Văn phòng Đảng - đoàn thể, được phân chia theo chức năng gồm: 12 phòng ban, 5 phân xưởng (2 phân xưởng sản xuất chính và 3 phân xưởng phụ trợ), 04 xí nghiệp và 01 Ban Quản lý dự án. Các phòng, ban, xưởng khác nhau đều có mối quan hệ với nhau nhằm hỗ trợ nhau trong việc thực hiện các công việc để quá trình sản xuất kinh doanh được thông suốt.

**- Các Công ty con, công ty liên kết:** Công ty không có Công ty con, Công ty liên kết.

## 5. Định hướng phát triển

### 5.1. Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:

Năm 2014, kinh tế trong nước cơ bản ổn định, tăng trưởng kinh tế có bước phục hồi nhưng môi trường kinh doanh, năng suất, hiệu quả, sức cạnh tranh của nền kinh tế còn thấp trong khi yêu cầu hội nhập quốc tế ngày càng cao, khó khăn thách thức là rất lớn. Trong bối cảnh này, Công ty cổ phần xi măng Vicem Hoàng Mai (HOM) hướng mục tiêu chủ yếu sau:

- Phát huy thế mạnh về tiềm năng nguồn nguyên liệu và điều kiện hạ tầng để phát triển sản xuất, kinh doanh xi măng nhằm chiếm lĩnh thị phần cốt lõi (tỉnh Nghệ An) đồng thời mở rộng tiêu thụ ở các địa bàn mới; Xuất khẩu xi măng ra nước ngoài..

- Triển khai thực hiện dự án thay hệ thống cân cấp than cho vôi đốt lò nung và vôi đốt calciner, thay khoanh lò nhằm giảm tiêu hao nhiệt năng, nâng cao năng suất và chất lượng Clinker.

- Thực hiện tốt các định mức tiêu hao trong sản xuất; tăng cường kiểm soát vật tư, phụ tùng, nguyên, nhiên vật liệu đầu vào để giảm tồn kho hàng hóa đến mức hợp lý nhất nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.

- Thực hiện nghiêm các quy định về quản lý tài chính, quản lý chi tiêu, quản lý chặt chẽ công nợ bán hàng để không có nợ xấu.

- Tiết kiệm năng lượng: Để thực hiện chương trình tiết kiệm năng lượng cho chi phí sản xuất, góp phần làm giảm giá thành sản phẩm, Ban lãnh đạo Công ty đã lập kế hoạch chạy máy nghiền xi măng, nghiền liệu vào giờ thấp điểm để tiêu hao điện năng sản xuất xi măng và clinker giảm thấp hơn so với định mức. Đồng thời Công ty mạnh dạn thực hiện rút ngắn thời gian sấy lò nung, dùng đốt dầu MFO chuyển sang đốt than ngay sau khi xử lý xong sự cố dừng lò nhằm giảm đáng kể tiêu hao dầu.

- Công ty tăng cường công tác quản lý, theo dõi bảo dưỡng thiết bị để xử lý kịp thời những sự cố về cơ, điện, công nghệ trong dây chuyền sản xuất để đưa thiết bị trở lại hoạt động nhanh chóng, ổn định. Giám sát chặt chẽ phối liệu để giữ ổn định. Thực hiện tốt quy trình quy phạm quản lý chất lượng.

- Nâng cao năng lực cạnh tranh: Ban Lãnh đạo Vicem Hoàng Mai đưa ra kế hoạch thường xuyên theo dõi, nắm bắt kịp thời những thông tin về thị trường ở tất cả các địa bàn, trên cơ sở đó để kịp thời đề xuất cơ chế giá bán khuyến mại linh hoạt, thực hiện các chương trình chăm sóc trực tiếp Nhà phân phối, cửa hàng VLXD: Chính sách khuyến mại, hỗ trợ tiếp thị công trình, dự án, tổ chức

các chương trình tri ân khách hàng...Cải thiện các dịch vụ tư vấn kỹ thuật, hậu mãi...

- Tiếp tục tái cơ cấu hệ thống phân phối tại Nghệ An theo hướng tăng năng lực của các Nhà phân phối mạnh, cắt giảm các Nhà phân phối yếu kém nhằm hạn chế cạnh tranh nội bộ, ổn định mạng lưới cửa hàng lớn, cửa hàng cấp 2, 3.

- Đầu tư cho tương lai để mở rộng quy mô và trở thành một trong những doanh nghiệp hàng đầu về ngành công nghiệp xi măng.

## 5.2. Chiến lược phát triển trung và dài hạn.

- Tối ưu hóa năng lực sản xuất của dây chuyền công nghệ, áp dụng các công cụ tiên tiến trong quản lý sản xuất. Vận hành hiệu quả, ổn định để nâng cao sản lượng sản xuất, đảm bảo nguồn cung hàng, nhất những tháng xây dựng cao điểm, kiểm soát sự tuân thủ quy trình công nghệ, sản xuất, để sản xuất ra sản phẩm xi măng ổn định chất lượng; duy trì màu sắc truyền thống của xi măng phù hợp với thị hiếu của người tiêu dùng.

- Lập và triển khai thực hiện công tác sửa chữa thiết bị đảm bảo chất lượng, tiến độ, đảm bảo thời gian huy động thiết bị cao nhất.

- Nghiên cứu và triển khai có hiệu quả các đề tài khoa học như đá vôi và thay thế phụ gia xi măng, đưa chất trợ nghiền vào xi măng để tăng năng suất và chất lượng xi măng, giảm tỉ lệ pha CLK trong các loại sản phẩm xi măng. Sấy lò bằng than...

- Tận dụng nhiệt khí thải: Công ty phấn đấu tổ chức nghiên cứu đầu tư, triển khai và xây dựng kế hoạch lắp đặt hệ thống thiết bị phát điện tận dụng nhiệt thừa khí thải ra của lò nung clinker để sản xuất, tự túc một phần điện năng và giảm thải ô nhiễm môi trường.

- Đồng hành cùng khách hàng, nắm bắt các mong muốn, băn khoăn của khách hàng để cung cấp cho khách hàng các sản phẩm có chất lượng ổn định và dịch vụ tốt nhất, thỏa mãn các yêu cầu của người tiêu dùng.

- Công ty đã được Chính phủ phê duyệt V/v điều chỉnh Quy hoạch các mỏ khoáng sản làm xi măng cho dây chuyền 2 Dự án nhà máy xi măng Hoàng Mai. Hiện tại Công ty đang tập trung các điều kiện để triển khai xây dựng dây chuyền nhà máy xi măng Hoàng Mai 2.

- Tiếp tục ổn định sản xuất kinh doanh các dây chuyền sản xuất đá VLXD, gạch block, bê tông tươi, nâng cao hiệu quả kinh doanh.



- Đẩy mạnh áp dụng các tiên bộ khoa học kỹ thuật, giảm thời gian dùng lò để sửa chữa nhằm đạt và vượt công suất thiết kế; Nâng cao chất lượng và mác xi măng, tối ưu tỷ lệ pha phụ gia, tro xỉ nhiệt điện, xỉ hạt lò cao... để giảm tỷ lệ clinker, giảm lượng khí thải CO, NO<sub>x</sub>, SO<sub>2</sub>, hydrocacbon... Tận dụng, tái chế phế thải làm nhiên liệu cho ngành xi măng, nhằm tiết kiệm chi phí sản xuất.

- Sản xuất các chủng loại xi măng mác cao, xi măng bền sunphat sử dụng cho những công trình chịu tác động của nước biển, vùng đất nhiễm mặn,... giúp tăng cường khả năng chống ăn mòn của các ion sulfat, clo cho bê tông... Tăng tỷ trọng các sản phẩm sau sản xuất xi măng như bê tông, gạch không nung để nâng cao được sức cạnh tranh.

- Tận dụng và tái chế chất thải: ứng dụng công nghệ tái chế chất thải công nghiệp để làm nhiên liệu, làm phụ gia cho xi măng để giảm giá thành, triển khai sản xuất chủng loại xi măng chuyên dùng xây trát cao cấp, hướng vào phân khúc thị trường xi măng giá thấp.

- Giảm nồng độ bụi trong sản xuất xi măng thông qua việc trang bị đồng bộ hệ thống thiết bị lọc bụi túi thể hệ mới thay thế lọc bụi tĩnh điện để đảm bảo giảm nồng độ bụi trong khí thải.

- Phát triển nguồn nhân lực: để Công ty phát triển bền vững, bắt kịp trình độ khoa học, ứng dụng công nghệ tiên tiến của thế giới, đủ sức cạnh tranh với các doanh nghiệp sản xuất xi măng trong và ngoài nước đòi hỏi phải nâng cao năng lực đội ngũ chuyên gia, cán bộ kỹ thuật, công nhân kỹ thuật lành nghề, đội ngũ kỹ sư, tư vấn, thiết kế, nghiên cứu ứng dụng thông qua việc triển khai các khóa đào tạo nâng cao về nghiệp vụ kế toán, thuế và kỹ năng bán hàng cho nhân viên thị trường Công ty và các Nhà phân phối, bổ sung kiến thức xi măng, bê tông, kiến thức marketing cho các nhân viên thị trường.

### 5.3. Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty.

- Phối hợp với chuyên môn, tổ chức phong trào thi đua sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, ứng dụng khoa học công nghệ trong sản xuất kinh doanh; tổ chức các phong trào thi đua xanh sạch đẹp, làm vệ sinh, trồng cây xanh tại các khu vực trong khuôn viên nhà máy, và các khu tập thể đảm bảo vệ sinh môi trường.

- Thực hiện thu gom, phân loại, xử lý các chất thải rắn phát sinh đúng các quy định của Quy trình xử lý chất thải.

- Giảm thiểu các chuyến đi công tác (trong nước và ngoài nước) để tiết kiệm nhiên liệu, chi phí đi lại và công tác phí.

- Thực hiện các khóa học đào tạo qua các chương trình đào tạo trực tuyến để tiết kiệm thời gian di chuyển, chi phí đi lại và chi phí đào tạo.

- Kết hợp chặt chẽ giữa đầu tư đổi mới thiết bị, công nghệ với hệ thống xử lý chất thải, xử lý khói, bụi và các giải pháp hữu hiệu để bảo vệ môi trường.

- Kiểm tra, đánh giá tác động của các dự án sản xuất xi măng đối với việc sử dụng đất, môi trường sinh thái một cách chặt chẽ và nghiêm túc.

- Tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục và nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường cho cán bộ quản lý, nhân dân và các doanh nghiệp.

- Xây dựng các nền tảng giá trị mới trong lĩnh vực sản xuất xi măng về: Phát triển nguồn lực con người, xây dựng văn hóa công ty; các tiêu chuẩn chất lượng và chỉ tiêu hiệu quả sản xuất. Sử dụng các nguồn tài nguyên hợp lý, kết hợp với bảo vệ môi trường, xây dựng nhà máy xi măng xanh - sạch - đẹp.

- Triển khai nghiên cứu, lắp đặt thiết bị tận dụng nhiệt thừa khí của khí thải lò nung để phát điện nhằm mục tiêu sau năm 2015, Công ty tự túc một phần nhu cầu điện cho sản xuất; phối hợp với Hiệp hội Xi măng tăng cường hợp tác giữa các đơn vị xuất khẩu sản phẩm xi măng, nâng cao hiệu quả cho Công ty.

- Tham gia công tác từ thiện, nhân đạo, công tác an sinh xã hội như: Chăm sóc, phụng dưỡng mẹ Việt Nam anh hùng, gia đình chính sách, hỗ trợ người nghèo, người già và trẻ em mồ côi, đồng bào bị thiên tai, xây nhà tình nghĩa; hỗ trợ các huyện nghèo theo chương trình 30a của Chính phủ.

## *6. Các rủi ro*

### *6.1. Rủi ro kinh tế*

Năm 2014, tình hình thế giới diễn biến rất phức tạp, kinh tế thế giới phục hồi chậm, xung đột xảy ra ở nhiều nơi, căng thẳng trên biển Hoa Đông và biển Đông. Việc Trung Quốc bất chấp luật pháp quốc tế, ngang nhiên hạ đặt giàn khoan trái phép trong vùng biển của Việt Nam, đe dọa nghiêm trọng hòa bình, ổn định và phát triển kinh tế xã hội của đất nước. Thương mại toàn cầu đang yếu đi, khả năng biến động thị trường tài chính do lãi suất ở các nền kinh tế chủ đạo tăng ở các mốc thời gian không dự đoán được đòi hỏi các doanh nghiệp Việt Nam nói chung và Công ty CP Xi măng Vicem Hoàng Mai nói riêng phải nắm bắt, phân tích tình hình biến động giá cả, lãi suất.

Thị trường xi măng Việt Nam “cung” vượt quá “cầu” nên cạnh tranh càng quyết liệt hơn. Thị trường trong nước tiêu thụ khó khăn, các doanh nghiệp đã tìm hướng xuất khẩu. Tuy nhiên, do giá thành cao, cơ sở hạ tầng như cảng biển,

phương tiện vận tải chưa đồng bộ... nên công tác xuất khẩu xi măng gặp rất nhiều khó khăn. Vấn đề này được xem là thách thức lớn nhất đối với ngành xi măng nói chung và cho các đơn vị sản xuất kinh doanh xi măng trong Tổng công ty công nghiệp xi măng Việt Nam nói riêng.

## 6.2. Rủi ro luật pháp

Sự hình thành của Cộng đồng Kinh tế ASEAN (AEC), cùng khả năng hội nhập toàn diện khi Việt Nam đàm phán thành công Hiệp định Đối tác Kinh tế Chiến lược xuyên Thái Bình Dương (TPP) là những tác động bên ngoài vào môi trường kinh doanh. Điều này đòi hỏi các doanh nghiệp nói chung và Công ty CP Xi măng Vicem Hoàng Mai nói riêng phải nhận thức được những thông tin pháp lý, chính sách thỏa thuận cam kết quốc tế cũng như những thay đổi dự kiến trong chính sách pháp luật quốc gia, để thích ứng kịp thời sự hội nhập, cạnh tranh, phát triển.

Pháp luật và các chính sách của Việt Nam thường xuyên có những thay đổi để phù hợp với thực tiễn, phù hợp với thông lệ quốc tế. Hàng loạt các thay đổi về cơ chế, chính sách pháp luật kinh doanh trọng yếu vừa qua và sắp tới cũng đòi hỏi Công ty phải có sự chuyển đổi cơ chế, chính sách nội bộ của mình.

Ngoài các chính sách kinh tế, chính trị, xã hội nói chung ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty thì Công ty còn chịu sự quản lý, chi phối của Tổng công ty, các hiệp hội... Do đó, mỗi sự thay đổi của chính sách, pháp luật của Nhà nước, chính sách của Tổng công ty, .. sẽ tiềm ẩn nhiều rủi ro tới quá trình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty. Để tồn tại và phát triển đòi hỏi Công ty phải tiếp tục tìm kiếm sáng tạo những định hướng mới, sản phẩm mới, dịch vụ mới trong hoạt động kinh doanh.

Là một công ty đại chúng, Công ty chịu sự chi phối của đồng thời Luật doanh nghiệp, Luật Chứng khoán. Khi thực hiện niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội thì hoạt động của Công ty sẽ còn chịu sự điều chỉnh của các quy định niêm yết của Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội, chính sự điều chỉnh này sẽ làm cho hoạt động của Công ty ngày càng minh bạch, nâng cao năng lực quản trị công ty. Tuy nhiên, do thị trường chứng khoán Việt Nam vẫn là một thị trường khá mới mẻ, tính ổn định chưa cao, do đó các quy định pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán có thể sẽ gây lúng túng cho các doanh nghiệp.

Để hạn chế rủi ro này, Công ty luôn chú trọng tới việc nghiên cứu nắm bắt các quy định mới của pháp luật từ đó xây dựng chiến lược phát triển kinh doanh theo đúng chủ trương của Đảng và Nhà nước.

### 6.3. Rủi ro biến động giá nguyên nhiên vật liệu

Chỉ số giá nguyên, nhiên, vật liệu dùng cho sản xuất năm 2014 tăng 3,39% so với năm 2013, trong đó chỉ số giá một số nguyên, nhiên, vật liệu dùng cho sản xuất tăng cao như: Điện, khí đốt tăng 6,71%; khai khoáng tăng 5,47%; nước cung cấp và xử lý rác thải, nước thải tăng 5,21%. Chỉ số giá cước vận tải năm 2014 tăng 3,13% so với năm trước.

Dự báo chỉ số giá vật liệu xây dựng và giá điện tăng cao trong những năm tới trong khi giá bán xi măng không tăng hoặc tăng không đồng đều trong và ngoài VICEM, gây khó khăn trong việc tiêu thụ xi măng, hiệu quả SXKD ngày càng giảm. Bên cạnh đó, trong những năm tới nguồn than có khả năng bị thiếu hụt, nguồn cung cấp than sẽ cạn kiệt dần, khả năng cung cấp và giá cả sẽ biến động lớn do ngành than nhiều lần yêu cầu tăng giá. Ngoài ra, giá nhập khẩu thạch cao, clinker liên tục tăng, cộng với khó khăn về vận tải và cước phí tăng cao sẽ ảnh hưởng rất lớn đến khả năng sản xuất và làm giảm doanh thu của công ty.

Giá dầu mỏ và khí đốt biến động mạnh do sự bất ổn của sản xuất, khủng hoảng tài chính và do đặc thù là ngành có vốn đầu tư lớn nên có ít sự cạnh tranh. Mặt khác, giá xăng dầu, giá gas biến động theo tình hình thị trường thế giới dẫn đến chỉ số giá nhóm ngành giao thông, nhà ở và vật liệu xây dựng cũng biến động cùng chiều làm ảnh hưởng đến nhu cầu đầu tư, xây dựng cơ bản. Điều này dẫn đến sản lượng tiêu thụ xi măng cũng biến động không ngừng.

Để hạn chế rủi ro này, trong hoạt động sản xuất Công ty luôn chú trọng việc rà soát, hoàn thiện và chuẩn hoá các Bộ định mức vật tư tiêu hao nguyên nhiên vật liệu để tiết kiệm chi phí giảm giá thành sản phẩm. Ngoài ra Tổng công ty có kế hoạch sửa chữa bảo dưỡng tổng thể Nhà máy theo định kỳ nhằm duy trì hoạt động sản xuất an toàn, hiệu quả và đảm bảo tuổi thọ của máy móc thiết bị.

### 6.4. Rủi ro đặc thù ngành

Theo Bộ Xây dựng, năm 2013 cả nước có 70 dây chuyền sản xuất xi măng, tổng công suất sản xuất đạt gần 70 triệu tấn/năm. Trong năm 2014, đã có thêm 5 nhà máy xi măng đi vào vận hành, nâng tổng công suất ngành xi măng Việt Nam

lên khoảng 77 triệu tấn/năm. Thị trường xi măng Việt Nam “cung” vượt quá “cầu”, nhu cầu xây dựng có tăng nhưng vẫn chậm hơn so với tốc độ phát triển của ngành xi măng nên cạnh tranh càng quyết liệt hơn đòi hỏi Công ty phải tập trung để giữ được các thị trường hiện tại và mở rộng thêm các thị trường mới trong tương lai để tiêu thụ sản phẩm cho dây chuyền nhà máy xi măng Hoàng Mai 2.

Bên cạnh nỗi lo về sự cạnh tranh về giá giữa xi măng trong nước và hàng nhập khẩu từ các nước khác, Công ty còn phải đối mặt với khả năng bị thiếu hụt nguồn cung cấp than do việc tập trung khai thác than phục vụ cho xuất khẩu và nhiều mục đích tiêu dùng trong nước nhất là phục vụ sản xuất nhiệt điện đã dẫn đến sự cạn kiệt dần của nguồn cung tài nguyên thiên nhiên này.

Ngoài ra, các hạn chế về hạ tầng như cầu đường, cảng biển... cũng là những điểm cản trở lưu thông hàng hóa, góp phần đẩy chi phí vận chuyển lên cao, làm đội giá thành sản xuất xi măng.

Trước những thách thức này, Vicem Hoàng Mai đã hoàn thiện đề án nâng cao năng lực hệ thống kênh phân phối hiện có, rà soát và hoàn thiện chính sách bán hàng, khuyến mãi, đồng thời đẩy mạnh kế hoạch xuất khẩu. Đây là một kế hoạch mang tính chiến lược giúp Công ty phát triển ổn định và lâu dài.

#### 6.5. Rủi ro biến động lãi suất:

Lãi suất là biến số kinh tế nhạy cảm, sự thay đổi của lãi suất sẽ tác động làm thay đổi hành vi sản xuất và tiêu dùng của xã hội. Từ đầu năm 2015, nhiều ngân hàng đã đồng loạt giảm lãi suất do hệ thống thanh khoản dồi dào trong khi chưa thể đẩy mạnh cho vay. Việc giảm lãi suất rất dễ dẫn đến lạm phát.

Hiện nay, Công ty đang tìm cách giảm thiểu rủi ro lãi suất này thông qua các biện pháp như: kiểm soát chặt chẽ công nợ phải thu, tối ưu hoá việc sử dụng vốn, tăng vòng quay đồng tiền, ưu tiên thanh toán nợ trước hạn đối với các khoản vay có lãi suất cao, đảo nợ, cơ cấu lại các khoản vay từ lãi suất cao xuống lãi suất thấp.

Để kiểm soát rủi ro này, Vicem Hoàng Mai đã tổ chức triển khai lập báo cáo quản trị theo tuần/tháng phục vụ Ban lãnh đạo ra quyết định điều hành kinh doanh. Chủ động lập kế hoạch tài chính, bao gồm kế hoạch đầu tư, kế hoạch cân đối dòng tiền ngắn hạn và dài hạn phù hợp với kế hoạch kinh doanh hàng năm.

## 6.6. Rủi ro khác

Hoạt động của Công ty cũng chịu ảnh hưởng của các rủi ro khác như thiên tai, dịch họa, hỏa hoạn, dịch bệnh, bão lớn, mưa kéo dài v.v... Đây là những rủi ro bất khả kháng và khó dự đoán nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại cho tài sản, con người và tình hình hoạt động chung của Công ty. Để hạn chế tối đa những thiệt hại có thể xảy ra, Công ty đã tiến hành tham gia mua bảo hiểm cho tài sản mà Công ty đang khai thác, sử dụng.

## II. Tình hình hoạt động trong năm

### 1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm:

Đối mặt với ảnh hưởng của việc tăng chỉ số giá tiêu dùng cùng với sự cạnh tranh ngày càng gay gắt của thị trường xi măng, chi phí nguyên nhiên vật liệu đầu vào tăng cao đặc biệt là giá than, điện, thạch cao, bazan... nhưng dưới sự lãnh đạo của Ban lãnh đạo Công ty CP Xi măng Vicem Hoàng Mai cùng với sự nỗ lực phấn đấu của cán bộ công nhân viên, Công ty đã triển khai quyết liệt, đồng bộ, trọng tâm các giải pháp thực hiện nhiệm vụ kế hoạch năm 2014 theo Nghị quyết của Hội đồng quản trị Công ty, kết quả kinh doanh của Công ty đã có bước tăng trưởng so với năm 2013 và kế hoạch năm 2014.

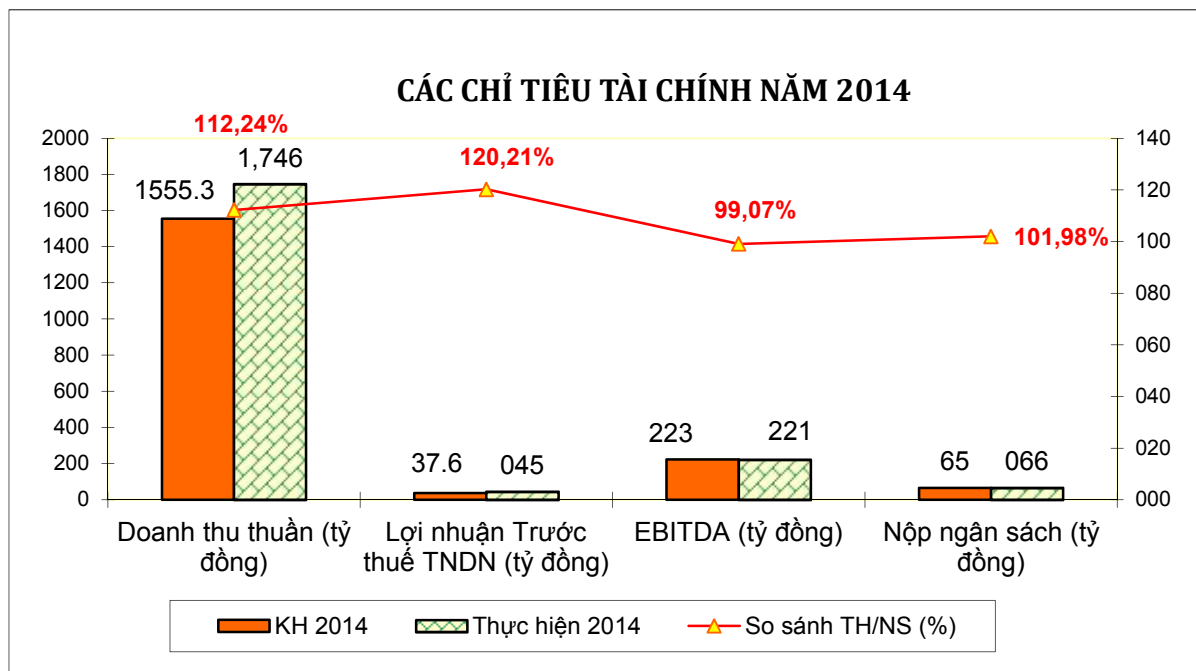
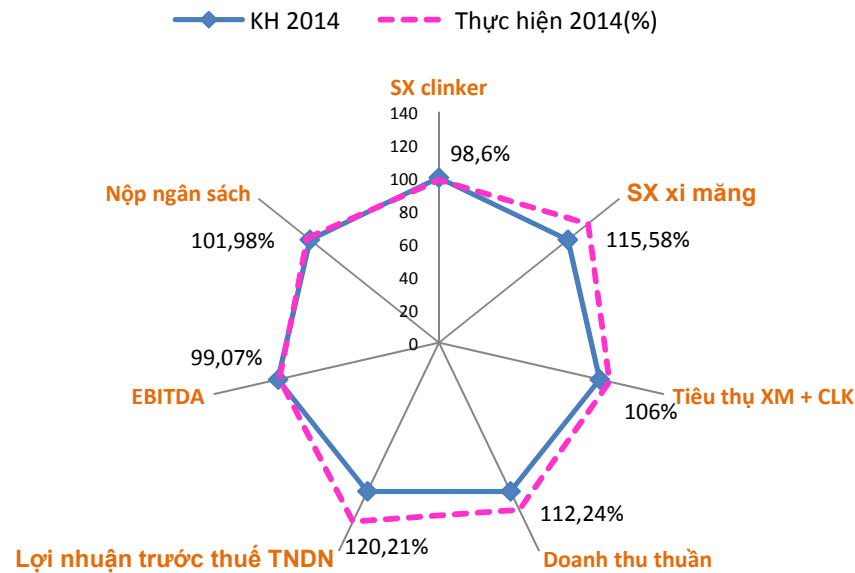
Cụ thể như sau:

### Tình hình thực hiện các chỉ tiêu chính:

T T	Chỉ tiêu	ĐVT	Ngân sách năm 2014	Thực hiện			
				Thực hiện năm 2013	Thực hiện năm 2014	TH.2014/NS.2014 (%)	TH.2014/TH.2013 (%)
1	2	3	4	5	6	7=6/4	8=6/5
<b>A</b>	<b>SẢN XUẤT</b>						
1	Clinker	Nghìn tấn	1.320	1.250	1.301	98,60	104,12
2	Xi măng tự sản xuất	Nghìn tấn	1.380	1.111	1.595	115,58	143,54
1	Gạch block	Triệu viên	15	18,5	13,7	91,48	74,31
2	Đá VLXD	M3	310.000	388.845	361.463	116,60	92,96
3	Bê tông	M3	33.000	30.443	17.981	54,49	59,06
<b>B</b>	<b>TIÊU THỤ</b>						
1	Clinker	Nghìn tấn	279	422	81	29,10	19,24
2	Xi măng	Nghìn tấn	1.380	1.240	1.673	121,20	134,85
3	Gạch	Triệu viên	15	18,8	13,9	93,21	74,26
4	Đá	M3	310.000	397.985	324.846	104,79	81,62
5	Bê tông	M3	33.000	30.443	17.981	54,49	59,06
<b>C</b>	<b>CHỈ TIÊU TÀI</b>						
1	Đầu tư xây dựng	Tỷ đồng	33,7	21,0	8,1	23,89	38,33
2	Doanh thu thuần	Tỷ đồng	1555,3	1.561,8	1.745,7	112,24	111,77

3	Lợi nhuận Trước thuế	Tỷ đồng	37,6	5,95	45,6	120,21	759,66
4	EBITDA	Tỷ đồng	223	208	221	99,07	106,42
5	Tỷ suất LN/DT	%	2,4	0,38	2,6		
6	Tỷ suất LN/VĐT CSH	%	4,2	0,7	5,1		
7	Nộp ngân sách	Tỷ đồng	65	73,22	66,29	101,98	90,53

### KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2014



\* So với năm 2013, tình hình tài chính của Công ty đạt hiệu quả rõ rệt. Lợi nhuận năm 2014 là 45,6 tỷ đồng, tăng hơn 600% so với năm 2013 (chỉ đạt 5,95 tỷ đồng). EBITDA năm 2014 là 221 tỷ so với năm 2013 là 209 tỷ; tăng 6,42% so với năm 2013 do: sản lượng sản xuất và tiêu thụ xi măng tăng 433.000 tấn, tiêu hao than giảm 66 kcal/kg clinker, tỷ lệ pha phụ gia XM tăng, tiêu hao điện sản

xuất Clinker giảm 2,67 Kwh/tấn, tiêu hao điện sản xuất xi măng giảm 0,4 Kwh/tấn, chi phí tài chính giảm.

\* Lợi nhuận thực hiện năm 2014 lãi 45,6 tỷ đồng tăng 8 tỷ so với ngân sách được duyệt năm 2014 (lợi nhuận NS năm 2014=37,6 tỷ đồng) chủ yếu là do sản lượng sản xuất và tiêu thụ xi măng tăng 275.000 tấn, giá điện bình quân năm 2014 giảm 61 đồng/kwh, tiêu hao than giảm 03 kcal/kg clinker, chi phí tài chính giảm.

**Kết quả kinh doanh năm 2014 đã thể hiện được những nỗ lực của Ban lãnh đạo cũng như tập thể cán bộ công nhân viên Công ty cổ phần xi măng Vicem Hoàng Mai, cụ thể là:**

- Lãnh đạo Vicem Hoàng Mai đã tăng cường gặp gỡ khách hàng, nắm bắt các mong muốn, băn khoăn của khách hàng để xây dựng chính sách bán hàng phù hợp.

- Ban lãnh đạo Công ty quyết liệt trong vấn đề cải thiện chất lượng, màu sắc và độ ổn định chất lượng của xi măng.

- Ban lãnh đạo, XN Tiêu thụ tăng cường tạo mối quan hệ với chính quyền địa phương, thương hiệu xi măng Vicem Hoàng Mai được củng cố và phát triển qua các hoạt động vì cộng đồng, nhân ái. Sản lượng tiêu thụ xi măng làm giao thông nông thôn tăng mạnh.

- Tăng cường đội ngũ thương vụ, tận dụng cơ hội các ngành chức năng kiểm soát tải trọng để giành lại thị phần tại phân khúc giá thấp: cơ sở sản xuất gạch block, khu vực nông thôn phía Tây...

- Phối hợp với xi măng Vicem Bỉm Sơn trong việc phát triển thương hiệu Vicem, ngày càng nâng cao sản lượng tiêu thụ xi măng Vicem tại thị trường cốt lõi Nghệ An.

- Cùng với các đơn vị trong Vicem đã có sự trao đổi thông tin để cùng nhau hỗ trợ xử lý khi thị trường có những diễn biến bất thường, thực hiện hợp bàn kế hoạch phối hợp thị trường tháng tiếp theo.

- Vicem Hoàng Mai phối hợp với các nhà phân phối thực hiện phương châm: “Cùng khách hàng tìm khách hàng”, đề ra những cơ chế, chính sách hỗ trợ bán hàng linh hoạt và đẩy mạnh công tác quảng bá sản phẩm, thường xuyên tổ chức các hội nghị khách hàng để thông qua đó, tạo thêm sự gắn kết giữa nhà sản xuất với các nhà phân phối, đại lý cấp 2, các bạn hàng.



- Công ty đã triển khai tốt xuất khẩu xi măng sang thị trường Lào.

- Thực hiện tiết kiệm chi phí định mức.

- Cơ cấu lại các khoản nợ vay có lãi suất cao, thường xuyên tìm kiếm các gói vay ngắn hạn có lãi suất ưu đãi để giải ngân với mục tiêu tiết kiệm tối đa chi phí tài chính.

- Quản lý tài chính theo đúng quy định của Nhà nước và quy chế của Công ty; linh hoạt trong xử lý vay trả nợ trong điều kiện có nhiều biến động bất lợi về tài chính tiền tệ; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí nhằm hạ giá thành trong tất cả các khâu từ sản xuất đến tiêu thụ sản phẩm.

Với những thành tựu và kết quả sản xuất kinh doanh đã đạt được trong năm vừa qua, Công ty đã được các tổ chức và người tiêu dùng tin nhiệm tiêu dùng, thương hiệu Công ty không ngừng mở rộng.

**Tuy nhiên, cũng phải nhận thấy rằng trong năm 2014, hoạt động SX - KD của Công ty cũng còn một số hạn chế cần được khắc phục, đó là:**

- Một số thiết bị xe máy mô sử dụng lâu năm hoạt động không hiệu quả.

- Lực lượng làm công tác triển khai dự án còn thiếu và chưa tinh nhuệ.

Các hạn chế này là thách thức không nhỏ mà Công ty cần phải khắc phục ngay khi thị trường cạnh tranh cao và ngày một gay gắt.

**Những thay đổi chủ yếu trong năm (những khoản đầu tư lớn, thay đổi chiến lược kinh doanh, sản phẩm và thị trường mới...)**

- Tái cơ cấu địa bàn tiêu thụ, nâng cao hiệu quả kinh doanh và kiểm soát tiêu thụ.

- Rà soát, cơ cấu lại hệ thống phân phối theo hướng rút gọn, tập trung nguồn lực để tạo nên kênh phân phối hiệu quả, cung cấp xi măng kịp thời đến khách hàng cuối cùng, tránh cạnh tranh nội bộ, lãng phí nguồn lực.

- Triển khai các hoạt động chăm sóc trực tiếp: tư vấn kỹ thuật, nâng cao chất lượng, độ ổn định xi măng, dịch vụ chăm sóc lái xe vào nhận xi măng (ăn uống, rửa xe, bơm lốp,...), triển khai các chương trình khuyến khích tiêu thụ (tích lũy điểm, tổ chức cho các NPP xuất sắc học tập nước ngoài, tổ chức đào tạo cho thương vụ, kế toán của NPP).

## *2. Tổ chức và nhân sự*

### *2.1. Danh sách Ban điều hành.*

Tổ chức bộ máy quản lý của Công ty bao gồm: Tổng Giám đốc điều hành, 4 phó Tổng Giám đốc do HĐQT bổ nhiệm và một trưởng phòng Tài chính kế toán là cơ quan tổ chức điều hành, quản lý mọi hoạt động sản xuất kinh doanh hàng ngày của Công ty theo mục tiêu, định hướng chiến lược và kế hoạch mà Đại hội cổ đông và HĐQT đã thông qua.

**a. Ông Dương Đình Hội:**

Chức vụ hiện tại: Ủy viên HĐQT,  
 Tổng Giám đốc Công ty CP Xi măng Vicem Hoàng Mai,  
 Bí thư Đảng ủy Công ty.

Giới tính: Nam Ngày/tháng/năm sinh: 20-09-1957

Quê quán: Xã Nga Hưng, Nga Sơn, Thanh Hóa Quốc tịch: Việt Nam

Số CMND: 171440683 Ngày cấp: 02/12/2008 Nơi cấp: CA Thanh Hóa

Địa chỉ thường trú: Khu phố 2, phường Lam Sơn, TX Bỉm Sơn, Thanh Hóa

Số điện thoại liên lạc: 0383.866 170

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Thủy lợi ngành thi công

Tỷ lệ sở hữu CP có quyền biểu quyết: 20% ( tương đương 14.400.000 CP)

Quá trình công tác:

Thời gian	Quá trình công tác
06/1980 – 11/1981	KTV Xưởng cấp thoát nước – Nén khí – Nhà máy xi măng Bỉm Sơn.
12/1981 – 02/1982	Trưởng ca sản xuất - Xưởng cấp thoát nước – Nén khí – Nhà máy xi măng Bỉm Sơn.
03/1982 – 04-1982	Phó quản đốc - Xưởng cấp thoát nước – Nén khí – Nhà máy xi măng Bỉm Sơn.
05/1982 – 05/1985	Quyền quản đốc - Xưởng cấp thoát nước – Nén khí – Nhà máy xi măng Bỉm Sơn.
06/1985 – 09/1999	Quản đốc - Xưởng cấp thoát nước – Nén khí – Nhà máy xi măng Bỉm Sơn.
09/1999 – 06/2005	Trưởng phòng Tổ chức lao động Cty XM Bỉm Sơn.
07/2005 – 11/2011	Phó Tổng Giám đốc Công ty Xi măng Bỉm Sơn.
12/2011 – 12/2014	Ủy viên HĐQT, Tổng Giám đốc Công ty cổ phần xi măng Vicem Bút Sơn, Bí thư Đảng ủy Công ty.
12/2014 - Nay	Ủy viên HĐQT, Tổng Giám đốc Công ty cổ phần xi măng Vicem Hoàng Mai, Bí thư Đảng ủy Công ty.

**b. Ông Nguyễn Công Hoà**

Chức vụ hiện tại: Ủy viên HĐQT,  
 Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần XM Vicem Hoàng Mai

Giới tính: Nam

Ngày/tháng/năm sinh: 06/01/1958

Quê quán: Phúc Thọ - Nghi Lộc - Nghệ An

Quốc tịch: Việt Nam

Số CMND: 186528789. Ngày cấp: 27/10/2006. Nơi cấp: Công an Nghệ An

Địa chỉ thường trú: C.ty CPXM Vicem Hoàng Mai - Thị xã Hoàng Mai, Nghệ An

Số điện thoại liên lạc : 0383. 668071

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Chế tạo máy

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 5,51% (tương đương 3.965.000CP)

Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ công tác
1982 - 1985	Công tác tại Công ty Xi măng Bỉm Sơn, Thanh Hóa
1985 - 1990	Thực tập sinh tại Tiệp Khắc
1990 - 1996	Kỹ thuật viên VP cơ khí trưởng Công ty Xi măng Bỉm Sơn
1996 - 1997	Phó quản đốc xưởng sửa chữa Công ty Xi măng Bỉm Sơn
1997 - 2001	Phó phòng Vật tư, Công ty Xi măng Bỉm Sơn
2001 - 2004	Trưởng phòng Vật tư, Công ty Xi măng Hoàng Mai
2004 - 2006	Trưởng phòng Cơ điện, Công ty Xi măng Hoàng Mai
2006 - đến nay	Phó Tổng Giám đốc Công ty CP XM Vicem Hoàng Mai

### c. Ông Trần Việt Hồng

Chức vụ hiện tại: Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần XM Vicem Hoàng Mai

Giới tính: Nam

Ngày/tháng/năm sinh: 20-07-1971

Quê quán: Đặng Sơn, Đô Lương, Nghệ An

Quốc tịch: Việt Nam

Số CMND: 141955002 Ngày cấp: 09/04/1997 Nơi cấp: CA Hải Dương

Địa chỉ thường trú: Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai - Thị xã Hoàng Mai, Nghệ An.

Số điện thoại liên lạc: 0383.664447

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư cơ khí

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 0% (tương đương 0 CP)

Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ công tác
1995 - 10/1999	KTV cơ khí- X. Cơ khí - Công ty Xi măng Hoàng Thạch
11/1999 - 12/2000	Trưởng ca cơ khí - X. Cơ khí - C.ty Xi măng Hoàng
01/2001 - 11/2004	Phó Quản đốc X. Cơ khí - Công ty XM Hoàng Mai
12/2004 - 12/2007	Quản đốc X. Cơ khí - Công ty Xi măng Hoàng Mai

01/2008 – 04/2011	Trưởng phòng Cơ điện – Công ty CP XM Hoàng Mai
05/2011 – 08/2011	Quản đốc X. Cơ khí – C.ty CP Xi măng Vicem Hoàng
09/2011 – 02/2013	Trưởng phòng Cơ điện, C.ty CP Xi măng Vicem Hoàng
04/02/2013	Phó Tổng Giám đốc Công ty CP XM Vicem Hoàng Mai.

#### **d. Ông Nguyễn Quốc Việt**

Chức vụ hiện tại: Ủy viên HĐQT,

Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần XM Vicem Hoàng Mai

Giới tính: Nam

Ngày/tháng/năm sinh: 17 – 06 – 1972

Quê quán: Thanh Chương – Nghệ An

Quốc tịch: Việt Nam

Số CMND : 181791170 Ngày cấp : 09/10/2006

Nơi cấp: CA Nghệ An

Địa chỉ thường trú: C.ty CPXM Vicem Hoàng Mai –TX Hoàng Mai, Nghệ An

Số điện thoại liên lạc: 0383.866 170

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính – Kế toán, thạc sỹ kinh tế.

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 5,51% (tương đương 3.965.200 CP)

Quá trình công tác :

Thời gian	Chức vụ công tác
1995 – 1996	Công tác tại Nhà máy dẹt kim Hoàng Thị Loan
1996 – 2007	Công tác tại Phòng TCKT – Công ty XM Vicem Hoàng
2007 – 15/01/2011	Kế toán trưởng Công ty cổ phần XM Vicem Hoàng Mai
15/01/2011 – nay	Phó Tổng GD Công ty CP xi măng Vicem Hoàng Mai

#### **e. Ông Lưu Đình Cường**

Chức vụ hiện tại: Ủy viên HĐQT,

Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần XM Vicem Hoàng Mai

Giới tính: Nam

Ngày/tháng/năm sinh: 25/02/1979

Quê quán: Quảng Ngọc – Quảng Xương – Thanh Hóa

Quốc tịch: Việt Nam

Số CMND: 171826974

Ngày cấp: 07/02/2007

Nơi cấp: CA Thanh Hóa

Địa chỉ thường trú: Tổ 21, Phường Lê Hồng Phong, Phủ Lý, Hà Nam.

Số điện thoại liên lạc: 0983 490 510

Trình độ chuyên môn: Cử nhân quản trị kinh doanh công nghiệp

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 0% ( tương đương 0 CP)

Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ công tác
08/1996 – 09/2000	Sinh viên Đại học kinh tế quốc dân Hà Nội
10/200 – 06/2001	Phòng Kế hoạch – nhà máy xi măng Sông Đà

06/2001 – 08/2011	Phòng kinh doanh thị trường – Trung tâm tiêu thụ công ty xi măng Bút Sơn.
09/2011 – 01/2013	Phòng kế hoạch công ty CP xi măng Vicem Hoàng Mai
01/2013 – 12/2014	Giám đốc XN tiêu thụ - công ty CP XM Vicem Hoàng
12/2014 - Nay	Phó Tổng giám đốc kiêm Giám đốc Xí nghiệp tiêu thụ - công ty CP xi măng Vicem Hoàng Mai

#### **f. Bà Đậu Thị Nga**

Chức vụ hiện tại: Trưởng phòng Tài chính Kế toán công ty CP XM Vicem Hoàng Mai

Giới tính: Nữ

Ngày/tháng/năm sinh: 15/02/1980

Quê quán: Hoàng Mai – Quỳnh Lưu – Nghệ An

Quốc tịch: Việt Nam

Số CMND: 182433886

Ngày cấp: 06/06/2007

Nơi cấp: CA Nghệ An

Địa chỉ thường trú: Khối 5 – thị xã Hoàng Mai, Quỳnh Lưu, Nghệ An

Số điện thoại liên lạc: 0989 994 058

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 0,0067% ( tương đương 4.800 CP)

Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ công tác
09/2003 – 06/2011	Nhân viên Phòng Tài chính Kế toán Công ty CP Xi măng Vicem Hoàng Mai.
07/2011 – 12/2014	Phó phòng Tài chính kế toán Công ty CP Xi măng Vicem Hoàng Mai.
01/2015 - Nay	Trưởng phòng Tài chính kế toán Công ty CP Xi măng Vicem Hoàng Mai

#### 2.2. Những thay đổi trong ban điều hành:

- Ông Trần Đức Danh được bổ nhiệm làm ủy viên Hội đồng quản trị Công ty CP xi măng Vicem Hoàng Mai kể từ ngày 03/11/2014 theo quyết định số 85/QĐ.XMHHM-HĐQT ngày 03/11/2014 thay cho Ông Phạm Hoàng Sơn.

- Ông Lưu Đình Cường - Giám đốc Xí nghiệp tiêu thụ Công ty CP Xi măng Vicem Hoàng Mai được bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Tổng giám đốc Công ty CP xi măng Vicem Hoàng Mai kể từ ngày 17/12/2014 theo Quyết định số 96/QĐ-XMHHM-HĐQT ngày 17/12/2014 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần xi măng Vicem Hoàng Mai.

- Ông Dương Đình Hội được bổ nhiệm giữ chức vụ Ủy viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc Công ty CP xi măng Vicem Hoàng Mai kể từ ngày 23/12/2014 theo quyết định số 118/QĐ-XMHHM-HĐQT ngày 23/12/2014 thay cho Ông Trương Quốc Huy.

- Bà Đậu Thị Nga - Phó phụ trách phòng Tài chính - Kế toán được bổ nhiệm giữ chức vụ Trưởng phòng Tài chính - Kế toán Công ty CP xi măng Vicem Hoàng Mai kể từ ngày 01/01/2015 theo Quyết định số 126/QĐ-XMHHM-HĐQT ngày 31/12/2014.

2.3. Số lượng cán bộ, nhân viên. Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động.

- Tình hình lao động: Tổng số cán bộ, công nhân viên của công ty đến thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 995 người, trong đó lao động nữ là 177 người chiếm 18%, tỷ lệ này phù hợp với một công ty sản xuất công nghiệp. Tuổi bình quân của CBCNV là 38 tuổi. Phân loại lao động tại Công ty hiện nay là hợp lý, số lao động quản lý, lao động gián tiếp, lao động bán hàng chiếm 24% trong tổng số lao động, còn lại 76% là lao động trực tiếp đúng với quy tắc bố trí lao động hiện nay (Quy tắc 80/20).

- Chính sách đối với người lao động:

Công ty đã xây dựng, ban hành và đưa vào áp dụng thang, bảng lương mới phù hợp với mô hình công ty cổ phần, theo quy định của Bộ luật Lao động – Thương binh xã hội, hướng tới việc trả lương theo năng lực nhằm hạn chế hiện tượng chảy máu chất xám và thu hút lao động giỏi. Từ đó đến nay, hệ thống thang bảng lương thường xuyên được nghiên cứu sửa đổi và điều chỉnh cho phù hợp với các Quy định của pháp luật cũng như tình hình thực tế SXKD. Công ty đã thực hiện tốt chế độ Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp cho người lao động theo đúng các quy định của Luật bảo hiểm xã hội và các quy định của Chính phủ.

Trong năm 2014, Công ty đã tổ chức đào tạo được 46 khóa học về các lĩnh vực quản lý, tài chính, công nghệ thông tin, kỹ thuật, nghiệp vụ... Các khóa đào tạo nước ngoài hoặc có yếu tố nước ngoài đều được rà soát, kiểm tra đảm bảo phù hợp, hiệu quả (trình độ ngoại ngữ, đối tượng đào tạo). Ban lãnh đạo Công ty luôn quan tâm và sẵn sàng đầu tư cho các cán bộ, kỹ sư, công nhân kỹ thuật có chuyên môn giỏi tham gia các khóa đào tạo chuyên sâu mang tính

đặc thù ở nước ngoài để tiếp nhận các kinh nghiệm, kiến thức mới phục vụ cho hoạt động SXKD của Công ty cũng như hỗ trợ cho các dự án mới của Công ty.

Tổng số lượt người được đào tạo là 2016 lượt người với tổng kinh phí đào tạo hơn 4,5 tỷ đồng. Các cán bộ, công nhân viên của Công ty đều được đào tạo đầy đủ, Công ty thường xuyên tổ chức các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ, nâng cao tay nghề cho công nhân, thợ vận hành và thường xuyên tổ chức các hội thi tay nghề, nghiệp vụ nhằm khuyến khích động viên tinh thần học tập nâng cao trình độ tay nghề của công nhân viên chức. Đối với cán bộ quản lý Công ty tổ chức các lớp đào tạo mời các cơ quan chức năng, các trường đào tạo lên lớp, bồi dưỡng, nhằm nâng cao trình độ quản lý cho cán bộ. Đào tạo trong năm 2014 đã chú trọng đến chất lượng, theo nhu cầu sản xuất kinh doanh của Công ty và đào tạo các lĩnh vực công ty đang thiếu để nâng cao chất lượng lao động. Nguồn nhân lực sau đào tạo ở tất cả các lĩnh vực sản xuất, kinh doanh đều đã đáp ứng tốt yêu cầu công việc, đặc biệt là đội ngũ cán bộ kỹ thuật của Công ty đã phát huy tốt trình độ kỹ thuật và thực hiện thành công các đợt bảo dưỡng sửa chữa lớn Nhà máy năm 2014;

Tiếp tục tổ chức sắp xếp lao động phù hợp với trình độ chuyên môn được đào tạo và mô hình sản xuất kinh doanh của Công ty;

Tổ chức khám sức khỏe theo định kỳ cho người lao động và tổ chức cho 22 người lao động có sức khỏe loại 4, loại 5 đi nghỉ điều dưỡng tại Trung tâm điều dưỡng phục hồi chức năng Sầm Sơn Thanh Hóa;

Tổ chức cho 160 người lao động đi tham quan du lịch tại Đồ Sơn, Vịnh Hạ Long, Huế và Đà Nẵng;

Tổ chức chương trình đào tạo ‘Thắp sáng tài năng trẻ’ cho 258 cháu và tặng quà cho 1.300 cháu là con cán bộ công nhân viên công ty nhân ngày Quốc tế thiếu nhi 01/6;

Tổ chức ‘Đêm hội trăng rằm’ với quy mô toàn công ty, tạo sân chơi vui Tết trung thu cho 800 cháu là con cán bộ công nhân viên của Công ty và tặng quà nhân Tết Trung thu cho 1.300 cháu là con, em người lao động Công ty;

Tổ chức tặng quà, khen thưởng cho các cháu là con CBCNV công ty đạt kết quả trong kỳ thi đại học, cao đẳng và các cháu học sinh là con CBCNV công ty có thành tích tốt trong học tập năm 2014 với tổng số tiền là 115.550.000 đồng;

Tổ chức 144 lượt thăm hỏi trực tiếp khi người lao động ốm đau hoặc có việc hiếu, hỷ với tổng số tiền là 163 triệu đồng, việc thăm hỏi đã động viên để người lao động yên tâm công tác.

### 3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án:

#### a. Các khoản đầu tư lớn:

Trong năm 2014, Công ty đã hoàn thành một số dự án trọng tâm, cụ thể:

- Dự án xi măng Hoàng Mai 2: Đối với hạng mục khảo sát thăm dò mỏ nguyên liệu thì đã hoàn thành công tác thi công thăm dò tại hiện trường và một số thủ tục pháp lý về mỏ.

- Hoàn thành báo cáo kinh tế kỹ thuật, kế hoạch đấu thầu dự án “Nhà lưu trữ hồ sơ tài liệu”, được Hội đồng quản trị phê duyệt tháng 12/2014.

#### b. Các công ty con, công ty liên kết: Công ty không có công ty con, công ty liên kết.

### 4. Tình hình tài chính:

#### a. Tình hình tài chính:

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2013	Năm 2014	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	Triệu đồng	2.006.290	1.855.760	- 7,5%
Doanh thu thuần	Triệu đồng	1.561.806	1.745.708	11,8%
LN từ hoạt động KD	Triệu đồng	1.784	43.044	2.313%
Lợi nhuận khác	Triệu đồng	4.166	5.568	33,6 %
Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	5.950	45.612	666 %
Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	48,8	43.133	88.287 %
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức				

#### b. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Chỉ tiêu	Năm 2013	Năm 2014	Ghi chú
<b><i>Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i></b>			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn:	0,73	0,73	
+ Hệ số thanh toán nhanh:	0,38	0,32	
<b><i>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i></b>			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,58	0,52	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	1,37	1,09	
<b><i>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</i></b>			



+ Vòng quay hàng tồn kho:	3,03	4,36	
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	0,78	0,94	
<b><i>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</i></b>			
+ Hệ số LNST/Doanh thu thuần	0,00003	0,025	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn CSH	0,00005	0,049	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng TS	0,00002	0,023	
+ Hệ số LN từ hoạt động KD/DTT	0,001	0,025	

5. *Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu*

a. **Cổ phần:**

- Tổng số cổ phần: 72.000.000 cổ phần
- Số lượng cổ phần đang lưu hành: 72.000.000 cổ phần
- Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do: 72.000.000 cổ phần
- Số lượng cổ phần hạn chế chuyển nhượng: 0 cổ phần

b. **Cơ cấu cổ đông:**

<b>Đối tượng</b>	<b>HCCN</b>	<b>CNTD</b>	<b>Tổng cộng</b>	<b>Tỷ lệ SH</b>
<b>I. Cổ đông đặc biệt</b>		<b>51.116.200</b>	<b>51.116.200</b>	<b>71%</b>
1. Hội đồng quản trị		47.153.500	47.153.500	65%
2. Ban Tổng Giám đốc		22.330.200	22.330.200	31%
3. Ban kiểm soát		3.962.700	3.962.700	5,5%
4. Kế toán trưởng				
<b>II. Cổ phiếu quỹ</b>		<b>2.771.400</b>	<b>2.771.400</b>	<b>3,85%</b>
<b>III. Cổ đông khác</b>		<b>18.112.400</b>	<b>18.112.400</b>	<b>25,15%</b>
1. Trong nước		13.269.800	13.269.800	18,4%
1.1 Cá nhân		10.802.446	10.802.446	15%
1.2 Tổ chức		2.467.354	2.467.354	3,4%
2. Nước ngoài		4.842.600	4.842.600	6,7%
2.1 Cá nhân		366.200	366.200	0,5%
2.2 Tổ chức		4.476.400	4.476.400	6,2%
<b>CỘNG:</b>		<b>72.000.000</b>	<b>72.000.000</b>	<b>100%</b>

\* Số liệu cổ phần nêu trên được chốt tại thời điểm 17/03/2014 phục vụ chốt danh sách thực hiện quyền tham dự đại hội cổ đông thường niên năm 2014 cho cổ đông.

\* Số lượng cổ phần CNTD của Hội đồng quản trị tại mục I đã bao gồm số lượng cổ phần CNTD của Ban Giám đốc.

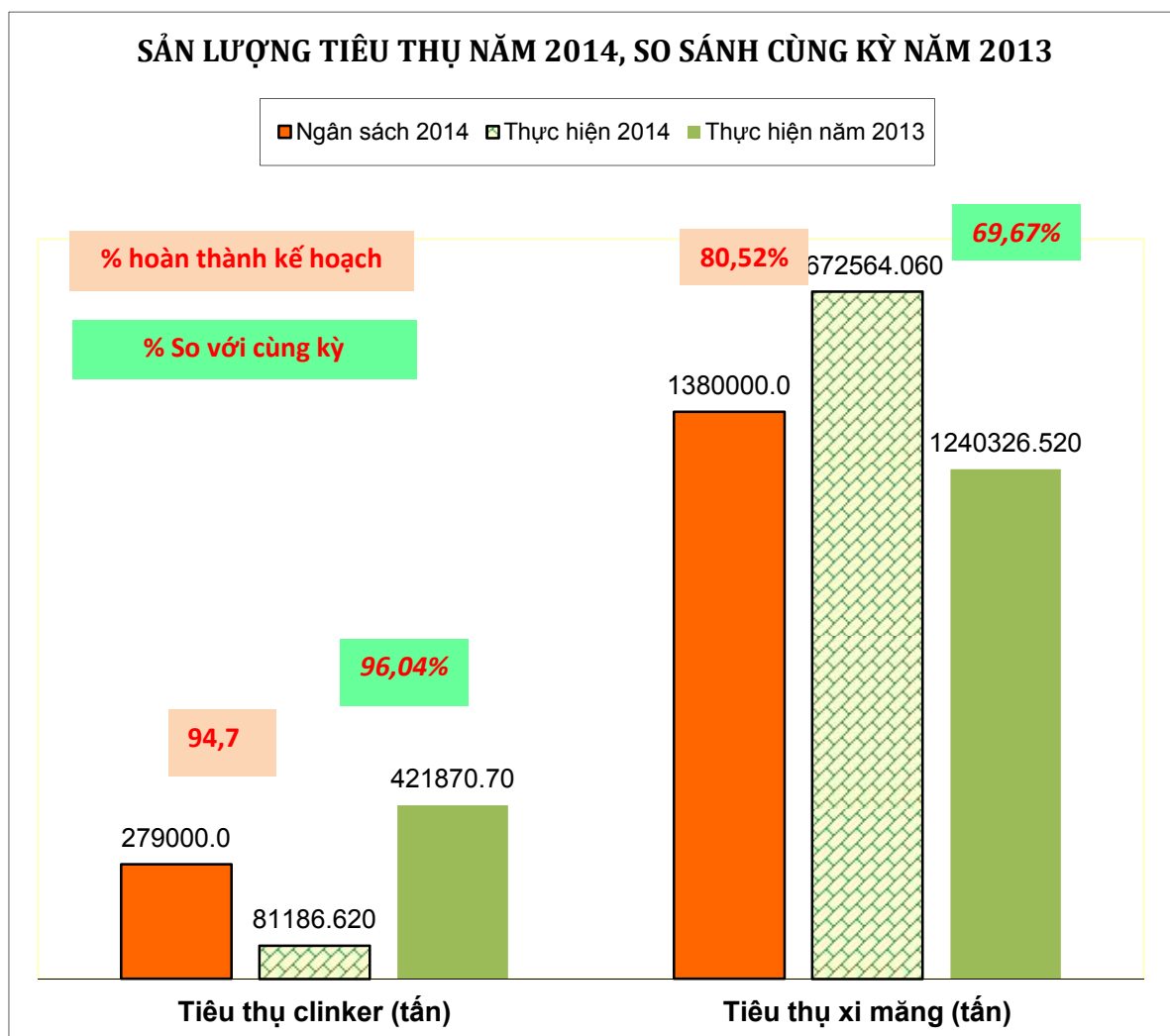
c. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Trong năm 2014, Công ty không tăng vốn cổ phần.

d. Giao dịch cổ phiếu quỹ: Trong năm 2014, Công ty không thực hiện giao dịch mua bán cổ phiếu quỹ. Tính đến hết năm 2014, Công ty cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai sở hữu 2.771.400 cổ phiếu.

e. Các chứng khoán khác: Công ty không phát hành chứng khoán khác.

### III. Báo cáo và đánh giá của Ban Tổng Giám đốc

#### Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh



Tổng sản phẩm tiêu thụ xi măng và clinker năm 2014 đạt 1,75 triệu tấn, tăng 5,4% so với Ngân sách và tăng 5,4% so với thực hiện năm 2013. Trong đó sản lượng xi măng tiêu thụ đạt 1,67 triệu tấn tăng 21,2 % so với Ngân sách và tăng 35% so với năm 2013. Lợi nhuận Ngân sách năm 2014 của Công ty CP xi măng VICEM Hoàng Mai được Đại hội cổ đông thông qua là 37,6 tỷ đồng, thực hiện năm 2014 lãi 45,6 tỷ đồng, tăng 21% so với kế hoạch.

Tiếp tục duy trì và phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh theo sứ mệnh và chiến lược đã đề ra, kế thừa và phát huy kinh nghiệm, nguồn nhân lực cùng với những thay đổi phù hợp về mô hình tổ chức, quản lý và phương thức điều hành, năm 2014 Công ty đã đạt được kết quả khả quan và vượt kế hoạch về sản xuất kinh doanh trong bối cảnh nhiều khó khăn hơn trước, hoàn thành mục tiêu phát triển thương hiệu, phát triển thị trường và nâng cao vị thế cạnh tranh

trên thị trường xi măng trong và ngoài nước. Ban điều hành đánh giá về những khó khăn và thuận lợi như sau:

❖ **Thuận lợi:**

- Công ty luôn nhận được sự hỗ trợ từ Tổng Công ty CN Xi măng Việt Nam, các đơn vị trong Ngành và các Bộ/Ngành có liên quan, đặc biệt là đảm bảo nguồn nguyên liệu cho sản xuất. Chất lượng và thương hiệu Xi măng Hoàng Mai đã được khẳng định về uy tín, vị thế trong lĩnh vực sản xuất Xi măng. Hệ thống phân phối, kinh doanh được triển khai bền vững đến các vùng tiêu thụ.

- Giá xăng dầu, giá gas giảm theo tình hình thị trường thế giới dẫn đến chỉ số giá nhóm ngành giao thông, nhà ở và vật liệu xây dựng giảm làm tăng nhu cầu đầu tư, xây dựng cơ bản.

- Hoạt động xây dựng năm 2014 có những khởi sắc. Nhiều dự án phát triển giao thông triển khai xây dựng.

- Hoạt động kiểm soát xe quá tải, quá khổ ảnh hưởng đến diễn biến giá và cơ cấu tiêu thụ các xi măng trên các địa bàn.

❖ **Khó khăn:**

- Nhà máy vận hành đã gần 20 năm nên tiềm ẩn nhiều nguy cơ sự cố về máy móc, thiết bị.

- Ngành Giao thông vận tải phối hợp với CSGT kiểm soát nghiêm tải trọng ô tô từ đầu tháng 4/2014 làm cho cước vận chuyển đường bộ có nhiều biến động.

- Thị trường xi măng Việt Nam “cung” vượt quá “cầu” nên cạnh tranh càng quyết liệt hơn. Theo Bộ Xây dựng, năm 2013, cả nước có 70 dây chuyền sản xuất xi măng, tổng công suất sản xuất đạt gần 70 triệu tấn/năm. Trong năm 2014, đã có thêm 5 nhà máy xi măng đi vào vận hành, nâng tổng công suất ngành xi măng Việt Nam lên khoảng 77 triệu tấn/năm.

- Xi măng ngoài Vicem tăng giá chậm hơn và có mức tăng thấp hơn nên giá bán tại đầu mối có sự thay đổi theo hướng có lợi về sản lượng tiêu thụ cho các xi măng ngoài Vicem.

**Những tiên bộ Công ty đã đạt được:**

- Lãnh đạo Vicem Hoàng Mai đã tăng cường gặp gỡ khách hàng, nắm bắt các mong muốn, băn khoăn của khách hàng để xây dựng chính sách bán hàng phù hợp.

- Ban lãnh đạo Công ty quyết liệt trong vấn đề cải thiện chất lượng, màu sắc và độ ổn định của xi măng, nâng độ dư mác xi măng rời. Dư mác cao, ổn định:  $49 \pm 1$  N/mm<sup>2</sup>, độ sụt >16 trong 2 giờ).

- Tái cơ cấu địa bàn tiêu thụ, giảm tỷ trọng tại các địa bàn xa Nhà máy, tập trung xây dựng các thị trường gần Nhà máy, nâng cao hiệu quả kinh doanh và kiểm soát tiêu thụ.

- Rà soát, cơ cấu lại hệ thống phân phối theo hướng rút gọn, tập trung nguồn lực để tạo nên kênh phân phối hiệu quả, cung cấp xi măng kịp thời đến khách hàng cuối cùng, tránh cạnh tranh nội bộ, lãng phí nguồn lực.

- Triển khai các hoạt động chăm sóc trực tiếp: tư vấn kỹ thuật, nâng cao chất lượng, độ ổn định xi măng, dịch vụ chăm sóc lái xe vào nhận xi măng (ăn uống, rửa xe, bơm lốp,...), triển khai các chương trình khuyến khích tiêu thụ (tích lũy điểm, tổ chức cho các NPP xuất sắc học tập nước ngoài, tổ chức đào tạo cho thương vụ, kế toán của NPP).

- Ban lãnh đạo công ty cùng với XN Tiêu thụ tăng cường tạo mối quan hệ với chính quyền địa phương, thương hiệu xi măng Vicem Hoàng Mai được củng cố và phát triển qua các hoạt động vì cộng đồng, nhân ái. Sản lượng tiêu thụ xi măng làm giao thông nông thôn tăng mạnh.

- Tăng cường đội ngũ thương vụ, tận dụng cơ hội các ngành chức năng kiểm soát tải trọng để giành lại thị phần tại phân khúc giá thấp: cơ sở sản xuất gạch block, khu vực nông thôn phía Tây...

## 2. Tình hình tài chính

### a. Tình hình tài sản

\* Tổng tài sản đầu năm 2014 là 2.006 tỷ đồng, cuối năm 2014 là 1.855 tỷ đồng, giảm 151 tỷ đồng tương ứng giảm 7,5%. Trong đó, tài sản ngắn hạn giảm 63 tỷ đồng, tương ứng giảm 9%; tài sản dài hạn giảm 87 tỷ đồng, tương ứng giảm 6,5%. Tài sản cố định giảm 81 tỷ đồng do: Khấu hao TSCĐ trong năm là 121 tỷ đồng, mua sắm mới 33 tỷ đồng, tăng chi phí XD CB dở dang 6,7 tỷ đồng.

\* Cơ cấu tài sản cuối năm và đầu năm như sau: hệ số tài sản ngắn hạn/ tổng tài sản đầu năm là 33,7%, cuối năm là 33%; hệ số tài sản dài hạn/ tổng tài sản đầu năm là 66% và cuối năm là 67%.

\* Các khoản phải thu ngắn hạn cuối năm giảm 11 tỷ đồng, các khoản phải thu của khách hàng cuối năm đều nằm trong hạn mức bảo lãnh cho phép,

tỷ trọng các khoản dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi/ các khoản phải thu ngắn hạn đầu năm là 2% và cuối năm là 2,6%.

\* Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản năm 2014 là 2,3%.

#### b. Tình hình nợ phải trả

\* Tổng các khoản nợ phải trả đầu năm là 1.160 tỷ đồng (Nợ ngắn hạn là 920 tỷ đồng, nợ dài hạn là 240 tỷ đồng), cuối năm là 967 tỷ đồng (Nợ ngắn hạn là 832 tỷ đồng, nợ dài hạn là 135 tỷ đồng), giảm 193 tỷ đồng tương ứng giảm 16,6%. Trong đó, nợ ngắn hạn giảm 88 tỷ đồng (tương ứng giảm 9,6%); nợ dài hạn giảm 105 tỷ đồng (tương ứng giảm 44%).

\* Hệ số nợ (Tổng nợ/Tổng TS) đầu năm là 57,8%, cuối năm là 52%, giảm 5,8%.

\* Đến thời điểm 31/12/2014, số dư nợ vay ngoại tệ của công ty là 758.796 USD, tương ứng 16 tỷ đồng (khoản vay của Quỹ hỗ trợ phát triển kinh tế Á Rập theo Hợp đồng cho vay lại giữa Bộ Tài chính và Công ty Xi măng Hoàng Mai ngày 24 tháng 11 năm 1999 số tiền 2.659.983,41 USD. Lãi suất của Hợp đồng vay là 4,2%/năm), khoản vay ngoại tệ này chiếm tỷ trọng không lớn trong tổng nợ phải trả do đó trong năm 2014 công ty chịu ảnh hưởng không nhiều chênh lệch tỷ giá hối đoái của khoản vay này đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.

### 3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

- Điều chỉnh, ban hành lại cơ cấu tổ chức bộ máy của Công ty cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai; Ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức bộ máy và mối quan hệ công tác của tất cả các phòng, ban, xưởng, đơn vị trực thuộc trong Công ty.

- Rà soát các quy chế quản lý nội bộ để bổ sung sửa đổi theo đúng quy định và phù hợp với điều kiện sản xuất kinh doanh của Công ty

- Năm 2014 luân chuyển, bổ nhiệm mới 15 cán bộ trưởng, phó phòng và tương đương.

### 4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

- Ổn định chất lượng xi măng rời với mác xi măng  $49 \pm 1$  N; duy trì màu sắc truyền thống của xi măng phù hợp với thị hiếu của người tiêu dùng.

- Lập và triển khai thực hiện công tác sửa chữa thiết bị đảm bảo chất lượng, tiến độ, đảm bảo thời gian huy động thiết bị cao nhất.

- Triển khai thực hiện dự án thay hệ thống cân cấp than cho vôi đốt lò nung và vôi đốt calciner, thay khoanh lò nhằm giảm tiêu hao nhiệt năng, nâng cao năng suất và chất lượng Clinker.

- Thực hiện nghiêm chỉnh quy trình, quy phạm trong vận hành và sửa chữa thiết bị, không để xảy ra mất an toàn cho người và thiết bị.

- Phần đầu thực hiện tốt các định mức tiêu hao trong sản xuất; tăng cường kiểm soát vật tư, phụ tùng, nguyên, nhiên vật liệu đầu vào để giảm tồn kho hàng hóa đến mức hợp lý nhất nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.

- Tiếp tục rà soát, giảm tối đa các định mức tiêu hao trong sản xuất các sản phẩm khác như đá xây dựng, gạch block, bê tông thương phẩm để nâng cao hiệu quả trong sản xuất kinh doanh các sản phẩm ngoài xi măng và clinker.

- Nghiên cứu và triển khai có hiệu quả các đề tài khoa học như đá vôi và thay thế phụ gia xi măng, đưa chất trợ nghiền vào xi măng để tăng năng suất và chất lượng xi măng, giảm tỉ lệ pha CLK trong các loại sản phẩm xi măng. Sấy lò bằng than...

- Tiếp tục đưa ra các đề tài sáng kiến mới có hiệu quả cho sản xuất

- Duy trì tốt độ ổn định về màu sắc, chất lượng xi măng bao, rời.

- Cải thiện năng lực xuất hàng, đáp ứng kịp thời nhu cầu của khách hàng trong thời gian cao điểm về xây dựng.

- Đồng hành cùng khách hàng, nắm bắt các mong muốn, băn khoăn của khách hàng để có những đáp ứng thỏa đáng vì mối quan hệ lâu dài và sự gắn kết cùng chiến thắng.

- Tiếp tục thực hiện các chương trình chăm sóc trực tiếp Nhà phân phối, cửa hàng VLXD: Chính sách khuyến mại, hỗ trợ tiếp thị công trình, dự án, tổ chức các chương trình tri ân khách hàng... Cải thiện các dịch vụ tư vấn kỹ thuật, hậu mãi...

- Tiếp tục tái cơ cấu hệ thống phân phối tại Nghệ An theo hướng tăng năng lực của các Nhà phân phối mạnh, cắt giảm các Nhà phân phối yếu kém nhằm hạn chế cạnh tranh nội bộ, ổn định mạng lưới cửa hàng lớn, cửa hàng cấp 2, 3.

- Giải quyết thỏa đáng các khiếu nại của khách hàng.

- Triển khai các khóa đào tạo nâng cao về nghiệp vụ kế toán, thuế và kỹ năng bán hàng cho nhân viên thị trường Công ty và các Nhà phân phối.

- Bổ sung kiến thức xi măng, bê tông, kiến thức marketing cho các nhân viên thị trường.

- Kiểm soát chặt chẽ việc thực hiện ngân sách của Công ty, các đơn vị trong Công ty.

- Thực hiện nghiêm các quy định về quản lý tài chính, quản lý chi tiêu, quản lý chặt chẽ công nợ bán hàng để không có nợ xấu.

- Sử dụng linh hoạt, có hiệu quả đồng vốn để tăng hiệu quả hoạt động tài chính.

- Dựa trên các chỉ tiêu ngân sách năm 2015 để tổ chức hội nghị đánh giá, phân tích hiệu quả kinh tế ngay từ đầu năm để các đơn vị trong công ty triển khai thực hiện một cách có hiệu quả các chỉ tiêu được giao.

- Tăng cường các biện pháp quản lý trong mua sắm, chi tiêu, thực hành tiết kiệm chống lãng phí. Tiếp tục rà soát tồn kho, tăng cường sử dụng vật tư phụ tùng sẵn có, giảm chi tiêu mua sắm, chỉ mua sắm khi có nhu cầu thật sự cần thiết, cấp bách. Về đầu tư xây dựng nội bộ, Công ty chỉ thực hiện những nội dung công việc thực sự cần thiết, cấp bách phục vụ sản xuất kinh doanh.

- Tiếp tục nâng cao chất lượng đội ngũ người lao động ở tất cả các lĩnh vực thông qua việc triển khai các khóa đào tạo tại chỗ, đào tạo tập trung, đào tạo ngắn hạn, đào tạo dài hạn.

- Tiếp tục thực hiện các nội dung công việc liên quan đến công tác đầu tư xây dựng các dự án “Xi măng Hoàng Mai 2”; các công trình “Xây dựng Nhà lưu trữ hồ sơ tài liệu” dự kiến hoàn thành kịp tiến độ chào mừng kỷ niệm 20 năm thành lập Công ty; hoàn thành đền bù giải phóng mặt bằng giai đoạn 3 cũng như hoàn thành xây dựng cơ bản mở giai đoạn 3 dự án “Nâng cấp trữ lượng mỏ đá vôi Hoàng Mai B”. Tiếp tục triển khai các dự án khác như: Dự án “Mở sét Quỳnh Vinh”; dự án “Cải tạo đường từ QL 1A vào xí nghiệp VLXD”;.... Tập trung thực hiện sửa chữa lớn, sửa chữa thường xuyên các hạng mục khác.

- Duy trì hệ thống quản lý môi trường theo tiêu chuẩn ISO 14000. Thực hiện tốt công tác an toàn vệ sinh lao động, an ninh trật tự, phòng chống cháy nổ trong công ty. Xây dựng khối đoàn kết nội bộ, xây dựng văn hóa công ty.

- Tổ chức đảng, công đoàn cùng chuyên môn phối hợp chặt chẽ tiếp tục duy trì và đẩy mạnh các phong trào thi đua trong toàn công ty với mục tiêu hoàn thành kế hoạch năm 2015 đã đề ra.



\* Một số chỉ tiêu kết quả kinh doanh chính năm 2015

- Doanh thu	:	1.837.177 triệu đồng
- Chiết khấu bán hàng	:	52.099 triệu đồng
- Giá vốn	:	1.486.256 triệu đồng
- Lợi nhuận gộp	:	298.822 triệu đồng
- Chi phí quản lý	:	86.946 triệu đồng
- Chi phí bán hàng	:	101.657 triệu đồng
- Chi phí tài chính	:	44.777 triệu đồng
- Ebitda	:	234.602 triệu đồng
- Ebitda/Sản lượng tiêu thụ	:	135.220 đồng/tấn
- Ebitda/Doanh thu thuần	:	13,31%
- Lợi nhuận trước thuế	:	65.442 triệu đồng
- Dự kiến mức chia cổ tức	:	0%/năm
- Nộp ngân sách	:	77.000 triệu đồng

\* Đầu tư:

- Thăm dò bổ sung nâng cấp trữ lượng, xin cấp lại giấy phép khai thác mỏ. Đền bù giải phóng mặt bằng giai đoạn 3, XD cơ bản bổ sung mỏ Hoàng Mai B;

- Dây chuyền 2 XMHM: Khảo sát địa hình, địa chất khu vực nhà máy, trạm nghiền và tuyến băng tải; khảo sát thăm dò đánh giá trữ lượng mỏ đá vôi, đá sét Bắc Thăng; lập báo cáo đánh giá tác động môi trường và lập dự án đầu tư;

- Tận dụng nhiệt khí thải để phát điện, tự túc một phần điện năng;

- Nâng cấp mở rộng mỏ sét Quỳnh Vinh;

- Dự án di dời tuyến đường ống nước tránh quốc lộ 1A mở rộng;

- Dự án sản xuất bê tông thương phẩm tại Hoàng Mai.

5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán: Ý kiến của Kiểm toán tại Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2014 của Công ty là ý kiến chấp thuận toàn phần, Ban Giám đốc không giải trình đối với ý kiến kiểm toán.

#### **IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty**

##### *1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty*

Mặc dù trong bối cảnh chung hết sức khó khăn của nền kinh tế và các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh xi măng, cũng như tác động lớn của việc thay đổi cán cân cung cầu trong nước, nhưng với những giải pháp đúng đắn, Công ty CP Xi măng Vicem Hoàng Mai đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ và chỉ tiêu kế hoạch năm 2014.

Năm 2014, mặc dù Công ty CP Xi măng Vicem Hoàng Mai triển khai nhiệm vụ sản xuất kinh doanh trong bối cảnh kinh tế thế giới và trong nước còn nhiều khó khăn thách thức, cạnh tranh giữa các đơn vị trong cùng lĩnh vực ngày càng gay gắt, thị trường xi măng cung vượt cầu; đặc biệt trong những giá vật tư, nguyên, nhiên liệu đầu vào cho sản xuất đều tăng, nhưng được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo và giúp đỡ của các cơ quan ban ngành, Tổng Công ty CN Xi măng Việt Nam, sự đồng hành, chia sẻ của Quý cổ đông, cùng với những giải pháp đúng đắn, sự chỉ đạo quyết liệt của Ban lãnh đạo và sự đoàn kết quyết tâm vượt qua mọi khó khăn thử thách của tập thể CBCNV, Vicem Hoàng Mai đã hoàn thành xuất sắc các nhiệm vụ và chỉ tiêu kế hoạch SXKD mà ĐHĐCĐ thông qua.

##### **Những kết quả đạt được:**

Bên cạnh việc luôn đảm bảo tối ưu hiệu quả sản xuất và kinh doanh, trong năm 2014, Công ty đã chủ động đẩy mạnh kinh doanh các sản phẩm, qua đó góp phần vào hiệu quả sản xuất kinh doanh chung của TCT, đồng thời khai thác tối đa lợi thế của hệ thống phân phối Vicem Hoàng Mai đã xây dựng. Các Nhà phân phối cũng đã chủ động từng bước nâng cao năng lực cạnh tranh trong việc kinh doanh các sản phẩm

Về mặt quản trị doanh nghiệp, Công ty luôn giữ vững nguyên tắc công khai, minh bạch các hoạt động sản xuất kinh doanh trên cơ sở áp dụng các chuẩn mực quản trị kinh doanh hiện đại nhất. Năm 2014, bên cạnh việc tiếp tục duy trì có hiệu quả hệ thống quản lý theo mô hình ma trận mở, bảo đảm thực hiện tốt quy chế dân chủ, phát huy trí tuệ tập thể, đồng bộ trong chỉ đạo điều hành của Công ty, trên nguyên tắc tập dân chủ. Công ty triển khai thực hiện đề án xây dựng tiêu chí đánh giá hiệu quả công việc KPI và đề án Cải tiến chính sách tiền lương nhằm tạo môi trường làm việc chuyên nghiệp, công bằng và hiệu quả. Bộ máy. Ban kiểm soát luôn tiếp cận công tác kế toán, góp phần hoàn thiện và nâng cao công tác quản trị rủi ro trong các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Việc thu hồi công nợ xi măng, clinker cuối năm được thực hiện tốt, vượt kế hoạch đặt ra.

Nắm bắt kịp thời những thông tin về thị trường ở tất cả các địa bàn, trên cơ sở đó kịp thời đề xuất cơ chế giá bán, khuyến mại linh hoạt để phối hợp với các đơn vị trong Tổng công ty kích thích các nhà phân phối, các dự án, đại lý bán lẻ... tăng sản lượng tiêu thụ.

Chất lượng, trình độ chuyên môn của đội ngũ cán bộ công nhân viên được nâng cao, phù hợp với yêu cầu công việc.

Chi phí tài chính giảm hơn 20 tỷ đồng.

### **Những tồn tại hạn chế cần khắc phục**

Bên cạnh những thành tựu và kết quả đạt được trong năm 2014, Hội đồng quản trị đánh giá Công ty vẫn còn một số tồn tại, hạn chế cần khắc phục, cụ thể như sau:

- Về nghiên cứu, sản xuất: Công tác nghiên cứu phát triển nhằm đa dạng hóa sản phẩm chưa tạo ra sản phẩm mới trong năm 2014. Mặc dù phát triển sản phẩm trong lĩnh vực Xi măng không thể nhanh chóng nhưng trước yêu cầu phát triển của Công ty thì mảng này cần phải được triển khai quyết liệt hơn nữa.

- Về kinh doanh và xây dựng hệ thống phân phối:

Hiệu quả và tỷ trọng kinh doanh các sản phẩm mới của Công ty năm 2014 chưa đóng góp lợi nhuận như kỳ vọng. Với tình hình lợi nhuận từ kinh doanh sản phẩm mới không thuận lợi, áp lực và yêu cầu hiệu quả trong mảng kinh doanh các sản phẩm mới càng cao và đòi hỏi nỗ lực hơn nữa của các Xí nghiệp trực thuộc và bộ phận quản lý.

Để bù đắp chi phí do tăng giá nguyên, nhiên vật liệu đầu vào, các đơn vị trong Vicem trong đó có Vicem Hoàng Mai đã đồng loạt tăng giá bán xi măng, clinker. Tuy nhiên, việc tăng giá không đồng đều trong và ngoài Vicem đã làm Công ty gặp nhiều khó khăn trong tiêu thụ xi măng, điều này đòi hỏi Công ty phải tăng cường quyết liệt các giải pháp tiết kiệm chi phí, giảm giá thành hiệu quả nhất có thể.

## *2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Ban Tổng Giám đốc Công ty:*

Theo nhận định của nhiều tổ chức và chuyên gia kinh tế, triển vọng của nền kinh tế Việt Nam trong năm 2015 được dự báo sẽ tăng trưởng cao hơn năm 2014. Tuy nhiên thực tế nền kinh tế Việt Nam vẫn còn đối mặt với rất nhiều khó khăn thách thức. Vấn đề nợ xấu, hàng tồn kho, thị trường Bất động sản đóng

băng vẫn tiếp tục là những khó khăn cản đôi mặt. Năm 2015 cũng sẽ là năm thực sự thách thức đối với Vicem Hoàng Mai khi thị trường Xi măng trong nước dư thừa nguồn cung, cạnh tranh giữa các doanh nghiệp ngày càng gay gắt và quyết liệt.

Đánh giá chung về hoạt động của Ban điều hành trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty:

Cơ cấu Ban Tổng Giám đốc phù hợp với nhiệm vụ, đặc điểm của Công ty;

Các thành viên trong Ban Tổng giám đốc đều có trình độ, năng lực và phẩm chất, được đào tạo đầy đủ về chuyên môn, am hiểu về lĩnh vực được giao phụ trách và đã có nhiều năm kinh nghiệm trong việc quản lý và điều hành các dự án/doanh nghiệp lớn.

Tổng giám đốc có phân công nhiệm vụ rõ ràng cho các phó Tổng giám đốc và định kỳ hàng tuần tổ chức họp giao ban để đánh giá kết quả thực hiện công việc tuần và giao kế hoạch công việc kỳ tới.

Thảo luận và đưa ra phương hướng, nhiệm vụ giải quyết tốt những vấn đề quan trọng, cốt yếu trong các cuộc họp;

Tuân thủ theo đúng trình tự biểu quyết và khi quyết định những vấn đề quan trọng đều đạt được sự nhất trí tối đa.

Ban Tổng giám đốc đã triển khai hoạt động SXKD của đơn vị phù hợp với nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, chỉ đạo của Hội đồng quản trị và tuân thủ đúng Điều lệ Công ty, quy định của pháp luật; hệ thống quản lý và hoạch định nguồn Công ty đã được áp dụng đánh giá theo tiêu chuẩn, qua đó góp phần đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh an toàn, hiệu quả.

Ban Tổng giám đốc nhận thức rõ những thuận lợi và khó khăn của Công ty nên đã linh hoạt trong việc điều hành các hoạt động sản xuất kinh doanh, đồng thời đã ban hành các văn bản tài liệu nội bộ theo thẩm quyền nhằm kiểm soát có hiệu quả mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty; Thực hiện tốt vai trò kiểm soát rủi ro ngay từ Ban điều hành và các quản lý cấp trung.

Ban Tổng giám đốc đã chủ động trong việc xây dựng và phát triển hệ thống kênh phân phối.

### *3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị:*

Trước những khó khăn thách thức đó, Hội đồng quản trị sẽ cùng với Ban điều hành và tập thể CBCNV nỗ lực phấn đấu trong công tác quản trị và điều

hành doanh nghiệp, để hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ Đại hội đồng cổ đông giao năm 2015, với kế hoạch, định hướng sau:

- Chỉ đạo hoàn thành nhiệm vụ kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2015, đảm bảo an toàn, hiệu quả và tiết kiệm.

- Chỉ đạo công tác quản trị, quản lý và vận hành Nhà máy sản xuất an toàn, ổn định, đảm bảo chất lượng sản phẩm và hiệu quả.

- Chỉ đạo triển khai đề án nâng cao năng lực vận hành, bảo dưỡng và hiệu quả của Nhà máy.

- Chỉ đạo công tác kinh doanh hiệu quả, đặc biệt chú trọng đến chỉ tiêu sản lượng và hiệu quả của công tác kinh doanh các sản phẩm mới.

- Chỉ đạo triển khai quyết liệt và có hiệu quả các nghị quyết của HĐQT về: công tác cán bộ, giám sát hiệu quả đầu tư, văn hóa doanh nghiệp, kiểm soát nội bộ, sản xuất, quản lý điều hành kinh doanh, quản lý chi phí, quản trị vật tư hàng tồn kho, tổ chức nhân sự và đào tạo, tài chính kế toán và kiểm tra giám sát, thực hành tiết kiệm chống lãng phí...

- Hoàn thiện và áp dụng các mô hình quản lý sản xuất, sửa chữa bảo dưỡng, quản trị tiên tiến trên thế giới nhằm giảm thiểu rủi ro, khai thác và sử dụng hiệu quả các nguồn lực doanh nghiệp; Tăng cường công tác giám sát, kiểm tra, kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro.

- Tiếp tục chỉ đạo cập nhật, điều chỉnh các quy chế, quy định, quy trình, hệ thống định mức kinh tế kỹ thuật hiện có tại Vicem Hoàng Mai cho phù hợp với tình hình thực tế.

- Tiếp tục triển khai hoàn thiện công tác sắp xếp, tái cấu trúc theo định hướng và kế hoạch đã đề ra; Chỉ đạo rà soát, cập nhật và hoàn thiện công tác lập quy hoạch, kế hoạch 5 năm và chiến lược phát triển của Công ty, các xí nghiệp

- Chỉ đạo đẩy mạnh công tác đầu tư phát triển, trong đó tập trung vào các dự án trọng điểm thuộc lĩnh vực sản xuất xi măng và sản phẩm sau xi măng.

- Hoàn thiện tổ chức mạng lưới tiêu thụ..

- Thực hiện công tác nghiên cứu phát triển, sáng kiến cải tiến hợp lý hoá sản xuất kinh doanh nhằm đa dạng hóa sản phẩm, nâng cao chất lượng sản phẩm dịch vụ, tiết kiệm chi phí và nâng cao năng lực cạnh tranh.

Giữ vững những thành quả đã đạt được trong năm 2014, phát huy thế mạnh của Công ty, bám sát chiến lược phát triển trên cơ sở khả năng huy động máy móc thiết bị cho sản xuất và dự báo nhu cầu tiêu thụ xi măng, Công ty CP XM Vicem Hoàng Mai đặt mục tiêu sản xuất kinh doanh năm 2015 như sau:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện năm 2014	Kế hoạch năm 2015	Kế hoạch 2015/TH 2014
1	2	3	4	5	6
<b>A</b>	<b>SẢN XUẤT</b>				
1	Clinker	Tấn	1.301.533	1.305.000	103%
2	Xi măng	Tấn	1.595.020	1.675.000	105%
1	Gạch block	Viên	13.722.304	12.000.000	87%
2	Đá VLXD	M <sup>3</sup>	361.463	280.000	77%
3	Bê tông	M <sup>3</sup>	17.981	28.000	156%
<b>B</b>	<b>TIÊU THỤ</b>				
1	Clinker	Tấn	81.187	85.000	105%
2	Xi măng	Tấn	1.672.564	1.675.000	100,15%
3	Gạch	Viên	13.981.780	12.000.000	86%
4	Đá	M <sup>3</sup>	324.846	280.000	86%
5	Bê tông	M <sup>3</sup>	17.981	28.000	156%
<b>C</b>	<b>CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH</b>				
1	<i>Đầu tư xây dựng</i>	<i>Tỷ đồng</i>	<i>8,1</i>	<i>72,4</i>	<i>894%</i>
2	<i>Doanh thu thuần</i>	<i>Tỷ đồng</i>	<i>1.745,7</i>	<i>1.785</i>	<i>102%</i>
3	<i>Lợi nhuận Trước thuế TNDN</i>	<i>Tỷ đồng</i>	<i>45,6</i>	<i>65,4</i>	<i>143%</i>
4	<i>EBITDA</i>	<i>Tỷ đồng</i>	<i>221</i>	<i>234</i>	<i>106%</i>
5	<i>Nộp ngân sách</i>	<i>Tỷ đồng</i>	<i>66,29</i>	<i>77</i>	<i>116%</i>
6	<i>Quỹ tiền lương</i>	<i>Tỷ đồng</i>	<i>102,4</i>	<i>105</i>	<i>100%</i>

## V. Quản trị công ty

1. *Hội đồng quản trị*: Thành phần HĐQT gồm 07 thành viên

a. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

- Ông: Tạ Quang Bửu, Chủ tịch HĐQT – không tham gia điều hành;

Số cổ phần có quyền biểu quyết: 16.891.800 CP

Trong đó: Đại diện: 16.891.800 CP

Cá nhân: 0 CP

- Ông: Trương Quốc Huy, UV HĐQT – Tổng Giám đốc điều hành; được bổ nhiệm từ ngày 12/11/2013 và miễn nhiệm từ ngày 23/12/2014.

Số cổ phần có quyền biểu quyết: 0 CP

Trong đó: Đại diện: 0 CP

Cá nhân: 0 CP

- Ông: Dương Đình Hội, UV HĐQT – Tổng Giám đốc điều hành; được bổ nhiệm từ ngày 23/12/2014.

Số cổ phần có quyền biểu quyết: 14.400.000 CP;

Trong đó: Đại diện: 14.400.000 CP

Cá nhân: 0 CP

- Ông: Nguyễn Công Hoà, UV HĐQT – Phó Tổng Giám đốc;

Số cổ phần có quyền biểu quyết: 3.965.000 CP

Trong đó: Đại diện: 3.960.000 CP

Cá nhân: 5.000 CP

- Ông: Nguyễn Quốc Việt, UV HĐQT – Phó Tổng Giám đốc;

Số cổ phần có quyền biểu quyết: 3.965.200 CP

Trong đó: Đại diện: 3.960.000 CP

Cá nhân: 5.200 CP

- Ông: Đậu Phi Tuấn, UV HĐQT;

Số cổ phần có quyền biểu quyết: 3.971.500 CP

Trong đó: Đại diện: 3.960.000 CP

Cá nhân: 11.500 CP

- Ông Vũ Thế Hà, UV HĐQT – không tham gia điều hành, được bổ nhiệm từ ngày 23/04/2014;

Số cổ phần có quyền biểu quyết: 3.960.000 CP

Trong đó: Đại diện: 3.960.000 CP

Cá nhân: 0 CP

- Ông Đặng Tăng Cường, UV HĐQT - miễn nhiệm từ ngày 23/04/2014;

Số cổ phần có quyền biểu quyết: 5.000 CP

Trong đó: Đại diện: 0 CP

Cá nhân: 5.000 CP

- Ông Trần Đức Danh, UV HĐQT – không tham gia điều hành, được bổ nhiệm từ ngày 03/11/2014;

Số cổ phần có quyền biểu quyết: 0 CP

Trong đó: Đại diện: 0 CP

Cá nhân: 0 CP

- Ông: Phạm Hoàn Sơn, UV HĐQT – không tham gia điều hành, miễn nhiệm từ ngày 03/11/2014.

Số cổ phần có quyền biểu quyết: 0 CP

Trong đó: Đại diện: 0 CP

Cá nhân: 0 CP

b. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Hội đồng quản trị Công ty không thành lập các tiểu ban.

c. Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Với vai trò là cơ quan quản lý cao nhất, đại diện cho quyền lợi của các cổ đông, trong năm 2014, HĐQT với 05 thành viên đương nhiệm đã tích cực thực hiện vai trò, nhiệm vụ của mình một cách nghiêm ngặt theo chuẩn mực quản trị của Công ty cổ phần. HĐQT được tổ chức hoạt động chuyên trách, ra quyết định tập thể, có sự phân công nhiệm vụ cho các Ủy viên HĐQT theo từng lĩnh vực chuyên môn.

Thực hiện nhiệm vụ quyền hạn của mình, Hội đồng quản trị tổ chức họp định kỳ mỗi quý một lần, kiểm điểm phân tích đánh giá tình hình sản xuất kinh doanh và các hoạt động khác của Công ty, tình hình thực hiện các nghị quyết của Đại hội cổ đông, cụ thể hoá các kế hoạch, nhiệm vụ và giao cho Tổng Giám đốc điều hành tổ chức thực hiện.

Ngoài các phiên họp định kỳ và bất thường, HĐQT còn thường xuyên giao ban công việc hàng tuần, hàng tháng để kiểm tra, đánh giá công việc của HĐQT và giám sát việc thực hiện của Ban điều hành đối các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Các thành viên HĐQT đã thực hiện nhiệm vụ chỉ đạo, giám sát, đôn đốc kịp thời hoạt động của Ban điều hành thông qua: Tham dự và có ý kiến chỉ đạo trong các cuộc họp quan trọng của Ban điều hành về việc triển khai các nghị



quyết, quyết định của HĐQT, hoặc về việc chuẩn bị các đề án, dự án để trình HĐQT; Theo dõi và nắm bắt quá trình điều hành SXKD, thông qua các báo cáo, văn bản của Ban điều hành gửi báo cáo HĐQT; Trực tiếp chỉ đạo và góp ý đối với Ban điều hành trong một số vấn đề quan trọng phát sinh trong quá trình điều hành SXKD.

Phê duyệt và điều chỉnh các bộ định mức kinh tế kỹ thuật.

Giải quyết các vướng mắc về tổ chức, đầu tư ... thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị. Chuẩn bị các nội dung về tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty báo cáo Đại hội cổ đông về kết quả thực hiện Nghị quyết.

Năm 2014, Hội đồng quản trị Công ty đã tiến hành 05 cuộc họp trực tiếp và 08 cuộc họp không trực tiếp theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản để thông qua các Quyết nghị. Căn cứ các nghị quyết đã thông qua, Hội đồng quản trị đã ban hành 45 quyết định trong năm 2014 định liên quan đến công tác đầu tư, công tác tổ chức và những vấn đề khác thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

Trong các cuộc họp trực tiếp Hội đồng quản trị đã bàn thảo các vấn đề chính như:

+ Kiểm điểm tình hình sản xuất kinh doanh năm 2013, đề ra mục tiêu ngân sách năm 2014. Để chỉ đạo ban điều hành hoàn thành nhiệm vụ sản xuất kinh doanh năm 2014, hàng quý Hội đồng quản trị họp kiểm điểm tình hình thực hiện nhiệm vụ của quý trước để đánh giá những mặt đã làm được, làm tốt và những mặt chưa làm được, những mặt còn hạn chế để từ đó đề ra giải pháp khắc phục, định hướng cho kế hoạch sản xuất kinh doanh quý sau;

+ Tổ chức thành công Đại hội cổ đông thường niên năm 2014;

+ Tổ chức lại bộ máy của Công ty từ 23 đơn vị trực thuộc thành cơ cấu tổ chức bộ máy mới có 22 đơn vị trực thuộc;

+ Thông qua các chủ trương và triển khai thực hiện các dự án đầu tư xây dựng như: Dự án khu đô thị xi măng Hoàng Mai; Thăm dò nâng cấp trữ lượng và cấp lại giấy phép khai thác mỏ đá vôi Hoàng Mai B; Dự án Nhà lưu trữ tài liệu ...

d. Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị không tham gia điều hành:

Thành viên Hội đồng quản trị Phạm Hoàn Sơn, từ ngày 01/04/2008 đến ngày 03/11/2014 hoạt động kiêm nhiệm tại Hội đồng quản trị và hiện tại đáp ứng tiêu chí thành viên độc lập không điều hành, do bận công tác nên không thể tham dự các cuộc họp và đã ủy quyền biểu quyết cho chủ tịch Hội đồng quản trị Tạ Quang Bửu về các vấn đề quyết định của Hội đồng quản trị.

Thành viên Hội đồng quản trị Trần Đức Danh được bổ nhiệm ngày 03/11/2014 hoạt động kiêm nhiệm tại Hội đồng quản trị và hiện tại đáp ứng tiêu chí thành viên độc lập không điều hành, đã tham dự đầy đủ các cuộc họp và tham gia ý kiến, biểu quyết độc lập về các vấn đề quyết định của Hội đồng quản trị; tham gia giám sát, chỉ đạo hoạt động của Ban điều hành theo phân công của Hội đồng quản trị.

e. Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị: Hội đồng quản trị không thành lập các tiểu ban.

f. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị Công ty: Do Ủy ban Chứng khoán và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội tổ chức các khóa đào tạo quản trị Công ty còn hạn chế, chưa phổ cập rộng rãi nên đến nay các thành viên Hội đồng quản trị Công ty vẫn chưa có điều kiện tham gia chương trình đào tạo về quản trị Công ty và chưa có chứng chỉ đào tạo về quản trị Công ty.

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị Công ty trong năm: Chưa có.

2. *Ban Kiểm soát*: Thành phần Ban kiểm soát gồm 05 thành viên

Ông: Trần Trung Tại, Trưởng ban – không tham gia điều hành;

Số cổ phần có quyền biểu quyết: 3.960.000 CP

Trong đó: Đại diện: 0 CP

Cá nhân: 0 CP

Ông: Nguyễn Hữu Thất, Thành viên – PGĐ XN bê tông ;

Số cổ phần có quyền biểu quyết : 0 CP

Trong đó: Đại diện: 0 CP

Cá nhân: 0 CP

Ông: Lê Văn Chiên, Thành viên – Phó phòng Cơ điện;

Số cổ phần có quyền biểu quyết: 2.700 CP

Trong đó: Đại diện: 0 CP

Cá nhân: 2.700 CP

Ông: Nguyễn Xuân Tú, Thành viên – Không tham gia điều hành;

Số cổ phần có quyền biểu quyết: 0 CP

Trong đó: Đại diện: 0 CP

Cá nhân: 0 CP

Bà: Thái Thị Thu Hương, Thành viên – chuyên viên Phòng Tổ chức;

Số cổ phần có quyền biểu quyết: 0 CP

Trong đó: Đại diện: 0 CP

Cá nhân: 0 CP

\* Hoạt động của Ban kiểm soát:

Năm 2014, Ban kiểm soát Công ty đã tiến hành 02 cuộc họp trực tiếp và 05 cuộc họp không trực tiếp dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản để đánh giá việc thực hiện các quy định của pháp luật và điều lệ Công ty trong hoạt động của Hội đồng quản trị; việc thực hiện các Nghị quyết do Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị ban hành của Ban Giám đốc Công ty.

Trong năm 2014 các thành viên Ban kiểm soát đã cố gắng hoàn thành tốt kế hoạch của ĐHĐCĐ. Ban Kiểm Soát đã đóng góp nhiều ý kiến thiết thực trong công tác quản trị Công ty.

Việc kiểm tra giám sát của Ban kiểm sát tập trung: Kiểm tra giám sát bảo toàn vốn, hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, giám sát việc thực hiện chấp hành điều lệ, các nghị quyết của ĐHĐCĐ, các quyết định, chỉ thị của Tổng Công ty đối với Vicem Hoàng Mai.

**Kết quả hoạt động kiểm tra giám sát:**

\* Đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ quản lý của Hội đồng quản trị:

HDQT đã thực hiện nghiêm túc công tác nhân sự - đào tạo, tiền lương: Công ty luôn tuân thủ các quy định quản lý cán bộ chú trọng công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực, triển khai công tác đánh giá hiệu quả công việc dựa trên năng lực thành tích cá nhân; thường xuyên rà soát, cập nhật hoàn thiện bảng mô tả chức danh công việc.

HDQT đã tiến hành họp định kỳ, ra quyết nghị và ban hành, sửa đổi bổ sung một số Quy chế, giao kế hoạch cho từng đơn vị, hoạt động kinh doanh hiệu quả; xây dựng hệ thống phân phối, đại lý, tạo nên kênh phân phối hàng hóa đến người tiêu dùng.

\* Đánh giá việc điều hành của Ban Tổng giám đốc:

Trong năm 2014 Công ty đã hoàn thành các chỉ tiêu chính cụ thể như sau:

ĐVT: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2014	Thực hiện năm 2014	% Hoàn thành
Tổng doanh thu	1.555	1.745	131%
Lợi nhuận trước thuế	37,6	45,6	121%
Lợi nhuận sau thuế	32,9	43	131%
Tỷ lệ chia cổ tức:	3%	3%	100%

Trong năm 2014, Ban điều hành đã điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty tuân thủ đúng Điều lệ Công ty và quy định của luật pháp; phù hợp với nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Cụ thể:

Về tổ chức bộ máy và nhân sự: Công ty luôn tuân thủ các quy định quản lý cán bộ ,chú trọng công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực, triển khai công tác đánh giá hiệu quả công việc dựa trên năng lực thành tích cá nhân; thường xuyên rà soát, cập nhật hoàn thiện bảng mô tả chức danh công việc. Đã rà soát các quy định chế độ chính sách nhằm ban hành các quy chế tiền lương, tiền thưởng và thu nhập của CBCNV thể hiện sự quan tâm đến lợi ích của người lao động trên khuôn khổ của luật pháp quy định.

Về công tác triển khai các dự án đầu tư xây dựng cơ bản: Hầu hết các dự án trong năm 2014 được thực hiện triển khai theo kế hoạch như hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng các hạng mục: “Bãi chứa phụ gia”; “Sửa chữa đường vào kho nguyên liệu (phía Bắc kho đá vôi đá sét)”; “Sửa chữa đường ngang trước bãi clinker và kho than (từ trục chính vào kho than)”; “Cầu rửa xe phục vụ tiêu thụ”; dự án “Sửa chữa nhà chờ khách hàng (tại cổng 3)”; “Sửa chữa cải tạo nhà làm việc, xưởng sửa chữa Xí nghiệp xe máy và khai thác mỏ”; “Nhà chờ cho lái xe nhận xi măng (tại khu vực máng xuất)”; “Di dời 300m của tuyến đường ống cấp nước từ giếng 404 về Nhà máy”; “Sửa chữa Nhà làm việc A1, nhà hội trường”. Ngoài ra cũng còn một vài dự án chậm tiến độ : Khu chuyên gia Resort Đông hội, dự án sản xuất tro bay....

Về công tác kế toán tài chính: Ban kiểm soát đã xây dựng kế hoạch, nội dung và đề xuất chọn lựa Công ty TNHH Kiểm toán Ernst&Young Việt Nam thực hiện kiểm toán BCTC năm 2014, Báo cáo tài chính của Vicem Hoàng Mai đã phản ánh trung thực hợp lý tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh và tài

chính của Công ty, việc ghi chép, phân loại và trình bày theo chuẩn mực kế toán Việt Nam, Vicem Hoàng Mai đã tuân thủ các quy định quản lý vốn, quản lý tài chính, tối đa hóa lợi ích dòng tiền.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát.

a. Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích khác và chi phí cho thành viên HĐQT và thành viên Ban kiểm soát:

Trong năm 2014, Công ty vẫn đang áp dụng mức thù lao cho thành viên HĐQT và Ban kiểm soát theo Nghị quyết của Đại hội cổ đông thành lập ngày 03/03/2008. Chi tiết như sau:

ĐVT: VNĐ

TT	Họ và tên	Chức danh	Mức thù lao (VNĐ/ng/th)	Tháng công tác	Giá trị (VNĐ)
1	Tạ Quang Bửu	Chủ tịch HĐQT	6.000.000	12	72.000.000
2	Trương Quốc Huy	Ủy viên HĐQT	5.000.000	12	59.000.000
3	Dương Đình Hội	Ủy viên	5.000.000	0,2	1.000.000
4	Nguyễn Công Hoà	Ủy viên HĐQT	5.000.000	12	60.000.000
5	Nguyễn Quốc Việt	Ủy viên HĐQT	5.000.000	12	60.000.000
6	Đậu Phi Tuấn	Ủy viên HĐQT	5.000.000	12	60.000.000
7	Phạm Hoàng Sơn	Ủy viên HĐQT	5.000.000	10	50.000.000
8	Vũ Thế Hà	Ủy viên	5.000.000	8	40.000.000
9	Trần Đức Danh	Ủy viên HĐQT	5.000.000	2	10.000.000
10	Trần Trung Tại	Trưởng BKS	5.000.000	12	60.000.000
11	Nguyễn Hữu Thất	Thành viên BKS	4.000.000	12	48.000.000
12	Trần Anh Tú	Thành viên BKS	4.000.000	4	16.000.000
13	Thái Huy Chương	Thành viên BKS	4.000.000	4	16.000.000
14	Lê Văn Chiên	Thành viên BKS	4.000.000	12	48.000.000
15	Nguyễn Xuân Tú	Thành viên BKS	4.000.000	8	32.000.000
16	Thái Thị Thu Hương	Thành viên BKS	4.000.000	8	32.000.000
	<b>Tổng cộng:</b>				<b>664.000.000</b>

b. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:

S T T	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với cổ đồng nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Nguyễn Thị Hải Yến	Người có LQ TV BKS	7.300		2.500		Bán cổ phần

c. Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Trong năm 2014 không phát sinh các giao dịch giữa Công ty với các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng giám đốc và cán bộ quản lý

d. Việc thực hiện các quy định về quản trị Công ty: Công ty tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật về quản trị công ty niêm yết.

## **VI. Báo cáo tài chính**

### **1. Ý kiến kiểm toán**

Kính gửi: Các cổ đông của Công ty cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai (“Công ty”) được lập ngày 23 tháng 3 năm 2015 và được trình bày từ trang 5 đến trang 42, bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính đi kèm.

#### ***Trách nhiệm của Ban Giám đốc***

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

#### ***Trách nhiệm của Kiểm toán viên***

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### ***Ý kiến của Kiểm toán viên***

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

### ***Vấn đề khác***

Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 đã được một doanh nghiệp kiểm toán khác kiểm toán và đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính đó vào ngày 25 tháng 3 năm 2014.

## **2. Báo cáo tài chính được kiểm toán:**

### **THÔNG TIN CHUNG**

Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai (“Công ty”), tiền thân là Công ty Xi măng Hoàng Mai - một doanh nghiệp Nhà nước hạch toán độc lập thuộc Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam (VICEM), được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2703001834 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp vào ngày 1 tháng 4 năm 2008 và theo các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh sau đó, với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 6 được cấp ngày 25 tháng 12 năm 2014.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là:

- ▶ Sản xuất, kinh doanh xi măng, clinker;
- ▶ Mua bán xi măng, clinker, thiết bị phụ tùng, vật tư công nghiệp;
- ▶ Khai thác, chế biến khoáng sản;
- ▶ Sản xuất kinh doanh các loại vật liệu xây dựng; và
- ▶ Các hoạt động khác theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Công ty có trụ sở chính tại Khối 7, phường Quỳnh Thiện, thị xã Hoàng Mai, tỉnh Nghệ An.



## HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Tạ Quang Bửu	Chủ tịch	
Ông Dương Đình Hội	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 23 tháng 12 năm 2014
Ông Trương Quốc Huy	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 23 tháng 12 năm 2014
Ông Nguyễn Công Hòa	Thành viên	
Ông Nguyễn Quốc Việt	Thành viên	
Ông Trần Đức Danh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 3 tháng 11 năm 2014
Ông Phạm Hoàn Sơn	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 3 tháng 11 năm 2014
Ông Đậu Phi Tuấn	Thành viên	
Ông Vũ Thế Hà	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 23 tháng 4 năm 2014
Ông Đặng Tăng Cường	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 23 tháng 4 năm 2014

## BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Dương Đình Hội	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 23 tháng 12 năm 2014
Ông Trương Quốc Huy	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 23 tháng 12 năm 2014
Ông Nguyễn Quốc Việt	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Công Hòa	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Trần Việt Hồng	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Lưu Đình Cường	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 17 tháng 12 năm 2014

## NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty từ ngày 1 tháng 1 năm 2014 đến ngày được miễn nhiệm là Ông Trương Quốc Huy, và từ ngày được bổ nhiệm đến ngày lập báo cáo này là Ông Dương Đình Hội.

## KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

## **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Xi măng VicemHoàng Mai (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH:**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc cần phải: lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán; thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng; nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính; và lập báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính kèm theo.

### **CÔNG BỐ CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

B01-DN

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VNĐ

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 12 năm 2014	Ngày 31 tháng 12 năm 2013 (Trình bày lại)
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>612.545.474.642</b>	<b>675.679.969.521</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền</b>	<b>4</b>	<b>117.862.497.940</b>	<b>209.424.641.432</b>
111	1. Tiền		117.862.497.940	209.424.641.432
<b>120</b>	<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>		<b>24.893.200.937</b>	<b>5.220.174.650</b>
121	1. Đầu tư ngắn hạn	5	24.893.200.937	5.220.174.650
<b>130</b>	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>118.249.094.971</b>	<b>129.291.324.070</b>
131	1. Phải thu khách hàng	6.1	58.613.601.728	119.396.209.158
132	2. Trả trước cho người bán	6.2	60.943.725.436	10.319.128.164
135	3. Các khoản phải thu khác	7	1.752.442.839	2.281.661.780
139	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	6.1	(3.060.675.032)	(2.705.675.032)
<b>140</b>	<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>8</b>	<b>342.931.851.411</b>	<b>326.713.947.742</b>
141	1. Hàng tồn kho		345.606.563.590	329.221.295.347
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(2.674.712.179)	(2.507.347.605)
<b>150</b>	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>8.608.829.383</b>	<b>5.029.881.627</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	9	1.545.383.973	1.665.514.949
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		673.796.924	-
154	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	10	4.892.282.369	426.134.082
158	4. Tài sản ngắn hạn khác	11	1.497.366.117	2.938.232.596
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>1.243.215.123.490</b>	<b>1.330.610.511.255</b>
<b>220</b>	<b>I. Tài sản cố định</b>		<b>1.192.555.589.334</b>	<b>1.273.657.199.308</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	12	1.167.948.603.532	1.255.623.921.086
222	Nguyên giá		2.798.890.648.510	2.765.046.774.661
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(1.630.942.044.978)	(1.509.422.853.575)
227	2. Tài sản cố định vô hình	13	779.342.593	898.815.345
228	Nguyên giá		1.511.153.370	1.361.153.370
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(731.810.777)	(462.338.025)
230	3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	14	23.827.643.209	17.134.462.877
<b>260</b>	<b>II. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>50.659.534.156</b>	<b>56.953.311.947</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	15	49.808.043.947	56.174.624.668
268	2. Tài sản dài hạn khác		851.490.209	778.687.279
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>1.855.760.598.132</b>	<b>2.006.290.480.776</b>

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

B01-DN

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

(tiếp theo)

Đơn vị tính: VNĐ

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 12 năm 2014	Ngày 31 tháng 12 năm 2013 (Trình bày lại)
<b>300</b>	<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>967.304.542.876</b>	<b>1.160.967.961.353</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>832.390.977.013</b>	<b>920.028.959.272</b>
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	16	622.881.412.177	653.726.653.286
312	2. Phải trả người bán	17	127.675.974.745	148.631.455.223
313	3. Người mua trả tiền trước		21.756.308.887	9.711.123.307
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	18	3.514.728.457	9.526.269.557
315	5. Phải trả người lao động		19.647.282.589	20.083.970.711
316	6. Chi phí phải trả	19	26.279.023.295	25.976.849.483
319	7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	20	8.776.887.635	47.054.921.777
323	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	21	1.859.359.228	5.317.715.928
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>134.913.565.863</b>	<b>240.939.002.081</b>
334	1. Vay và nợ dài hạn	22	114.239.930.632	220.272.555.129
335	2. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	29.3	20.673.635.231	20.666.446.952
<b>400</b>	<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>888.456.055.256</b>	<b>845.322.519.423</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>23</b>	<b>888.456.055.256</b>	<b>845.322.519.423</b>
411	1. Vốn cổ phần		720.000.000.000	720.000.000.000
12	2. Thặng dư vốn cổ phần		19.138.086.811	19.138.086.811
414	3. Cổ phiếu quỹ		(28.199.462.462)	(28.199.462.462)
417	4. Quỹ đầu tư phát triển		108.087.273.101	106.584.633.283
418	5. Quỹ dự phòng tài chính		27.750.379.292	27.750.379.292
420	6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		41.679.778.514	48.882.499
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>1.855.760.598.132</b>	<b>2.006.290.480.776</b>

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Ngày 31 tháng 12 năm 2014	Ngày 31 tháng 12 năm 2013
Ngoại tệ các loại		
- Đô la Mỹ (USD)	8.302	8.305
- Euro (EUR)	761	774

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**      B02-DN  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

*Đơn vị tính: VNĐ*

<i>Mã số</i>	<i>CHỈ TIÊU</i>	<i>Thuyết minh</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước (Trình bày lại)</i>
01	<b>1. Doanh thu bán hàng</b>	24.1	1.804.524.339.995	1.623.731.697.168
02	<b>2. Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	24.1	(58.816.147.638)	(61.925.515.503)
10	<b>3. Doanh thu thuần về bán hàng</b>	24.1	1.745.708.192.357	1.561.806.181.665
11	<b>4. Giá vốn hàng bán</b>	25	(1.461.140.357.771)	(1.340.381.131.406)
20	<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng</b>		284.567.834.586	221.425.050.259
21	<b>6. Doanh thu hoạt động tài chính</b>	24.2	2.205.815.452	3.255.958.755
22	<b>7. Chi phí tài chính</b>	26	(53.144.438.845)	(73.698.445.559)
	<i>Trong đó:</i>			
23	<i>Chi phí lãi vay</i>		(48.504.482.384)	(73.123.605.784)
24	<b>8. Chi phí bán hàng</b>		(97.818.068.639)	(80.178.906.200)
25	<b>9. Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>		(92.766.719.034)	(69.019.515.874)
30	<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		43.044.423.520	1.784.141.381
31	<b>11. Thu nhập khác</b>	27	4.080.913.555	6.031.310.610
32	<b>12. Chi phí khác</b>	27	(1.512.596.544)	(1.865.065.891)
40	<b>13. Lợi nhuận khác</b>	27	2.568.317.011	4.166.244.719
50	<b>14. Tổng lợi nhuận trước thuế</b>		45.612.740.531	5.950.386.100
51	<b>15. Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	29.2	(2.472.016.419)	(725.928.204)
51	<b>16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại</b>	29.3	(7.188.279)	(5.175.575.397)
60	<b>17. Lợi nhuận sau thuế TNDN</b>		43.133.535.833	48.882.499
70	<b>18. Lãi trên cổ phiếu</b>	31		
	- <i>Lãi cơ bản</i>		623	0,7
	- <i>Lãi suy giảm</i>		623	0,7

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

B03-DN

*Đơn vị tính: VNĐ*

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>01</b>	<b>Tổng lợi nhuận trước thuế</b>		<b>45.612.740.531</b>	<b>5.950.386.100</b>
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn tài sản cố định		121.788.664.155	121.521.685.413
03	Dự phòng		522.364.574	33.056.880
04		24. 2,		
	Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	26	177.345.709	214.025.775
		24.		
05	Lãi từ hoạt động đầu tư	2	(2.203.864.028)	(3.353.231.482)
06	Chi phí lãi vay	26	48.504.482.384	73.123.605.784
<b>08</b>	<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>		<b>214.401.733.325</b>	<b>197.489.528.470</b>
09	Giảm các khoản phải thu		7.316.367.547	24.026.819.234
10	(Tăng)/giảm hàng tồn kho		(16.385.268.243)	95.793.300.781
11	(Giảm)/tăng các khoản phải trả		(46.575.325.700)	12.439.430.634
12	Giảm chi phí trả trước		6.486.711.697	773.071.198
13	Tiền lãi vay đã trả		(52.638.625.859)	(77.664.037.151)
		29.		
14	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	2	(1.517.949.069)	(8.683.129.670)
15	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		1.505.304.551	-
16	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(5.448.482.955)	(23.926.975.028)
<b>20</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>107.144.465.294</b>	<b>220.248.008.468</b>
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định (TSCĐ) và các tài sản dài hạn khác		(33.687.188.032)	(13.162.608.239)
22	Tiền thu do thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		-	97.272.727
23	Tiền chi cho vay		(39.695.955.237)	(4.865.174.650)
24	Tiền thu hồi cho vay		19.667.928.950	27.000.000.000
27	Tiền thu lãi tiền gửi, tiền cho vay		2.230.646.848	6.140.158.754
<b>30</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào)/từ hoạt động đầu tư</b>		<b>(51.484.567.471)</b>	<b>15.209.648.592</b>
	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			

33	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		1.634.770.653.599	1.190.514.549.682
34	Tiền chi trả nợ gốc vay		(1.771.827.816.338)	(1.250.029.508.601)
36	Cổ tức đã trả		(10.166.830.000)	(68.018.875.000)
<b>40</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính</b>		<b>(147.223.992.739)</b>	<b>(127.533.833.919)</b>
<b>50</b>	<b>(Giảm)/tăng tiền thuần trong năm</b>		<b>(91.564.094.916)</b>	<b>107.923.823.141</b>
<b>60</b>	<b>Tiền đầu năm</b>		<b>209.424.641.432</b>	<b>101.497.734.557</b>
<b>61</b>	<b>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ</b>		<b>1.951.424</b>	<b>3.083.734</b>
<b>70</b>	<b>Tiền cuối năm</b>	<b>4</b>	<b>117.862.497.940</b>	<b>209.424.641.432</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## **1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP**

Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai (“Công ty”), tiền thân là Công ty Xi măng Hoàng Mai - một doanh nghiệp nhà nước hạch toán độc lập thuộc Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam (VICEM), được thành lập theo Luật doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2703001834 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp ngày 1 tháng 4 năm 2008 và theo các Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh sau đó với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 6 vào ngày 25 tháng 12 năm 2014.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là:

- ▶ Sản xuất, kinh doanh xi măng, clinker;
- ▶ Mua bán xi măng, clinker, thiết bị phụ tùng, vật tư công nghiệp;
- ▶ Khai thác, chế biến khoáng sản;
- ▶ Sản xuất kinh doanh các loại vật liệu xây dựng; và
- ▶ Các hoạt động khác theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Công ty có trụ sở chính tại Khối 7, phường Quỳnh Thiện, thị xã Hoàng Mai, tỉnh Nghệ An.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 995 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 984 người).

## **2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY**

### **2.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

Báo cáo tài chính của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam (“VNĐ”) phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4); và



- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các thuyết minh báo cáo tài chính được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam, và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

## **2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng**

Hình thức sổ kế toán được áp dụng tại Công ty là Nhật ký chung.

## **2.3 Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

## **2.4 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Báo cáo tài chính được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là đồng Việt Nam (“VNĐ”).

# **3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

## **3.1 Tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng.

## **3.2 Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Nguyên vật liệu, công cụ, dụng cụ và phụ tùng thay thế	- Chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.
--	---

Thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang.	- Giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên các tiêu chí phù hợp theo phương pháp bình quân gia quyền.
--	---

### *Dự phòng giảm giá hàng tồn kho*

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm.

### **3.3 Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi cân trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm.

### **3.4 Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

### **3.5 Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

### **3.6 Khấu hao và hao mòn**

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	10-50 năm
Máy móc, thiết bị	5-20 năm
Phương tiện vận tải	8-10 năm
Thiết bị văn phòng	5-10 năm
Phần mềm máy tính	4-5 năm

### **3.7 Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty.

Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm.

### **3.8 Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần từ 2 đến 3 năm vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Công cụ dụng cụ xuất dùng trong nhiều năm với giá trị lớn; và

Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh lớn.

### **3.9 Các khoản phải trả và chi phí trích trước**

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

### **3.10 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty (VNĐ) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản tại thời điểm này. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

### **3.11 Phân chia lợi nhuận**

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

#### **- Quỹ dự phòng tài chính**

Quỹ này được trích lập để bảo vệ hoạt động kinh doanh thông thường của Công ty trước các rủi ro hoặc thiệt hại kinh doanh, hoặc để dự phòng cho các khoản lỗ hay thiệt hại ngoài dự kiến do các nguyên nhân khách quan hoặc các trường hợp bất khả kháng như hỏa hoạn, bất ổn trong tình hình kinh tế và tài chính trong nước hay nước ngoài.

#### **- Quỹ đầu tư và phát triển**

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

#### **- Quỹ khen thưởng và phúc lợi**

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên.

### **3.12 Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo

giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

#### *Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

#### *Tiền lãi*

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

### **3.13 Thuế**

#### *Thuế thu nhập hiện hành*

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

#### *Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng

đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và

- Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi doanh nghiệp có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và

- Tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho giai đoạn tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

### **3.14 Công cụ tài chính**

*Công cụ tài chính – Ghi nhận ban đầu và trình bày*

#### Tài sản tài chính

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC ban hành ngày 6 tháng 11 năm 2009 hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính ở Việt Nam (“Thông tư 210”), tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty xác định việc phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản cho vay, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác.

#### Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính theo phạm vi của Thông tư 210, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính, được phân loại một cách phù hợp thành các

khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, hoặc các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định việc phân loại các nợ phải trả tài chính thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tất cả nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác, chi phí phải trả, nợ và các khoản vay ngân hàng.

#### *Công cụ tài chính – Giá trị sau ghi nhận ban đầu*

Hiện tại, Thông tư 210 không có hướng dẫn về việc xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu. Do đó, giá trị sau ghi nhận ban đầu của các công cụ tài chính đang được phản ánh theo nguyên giá.

#### *Bù trừ các công cụ tài chính*

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên báo cáo tình hình tài chính nếu, và chỉ nếu, đơn vị có quyền hợp pháp thi hành việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

## **4. TIỀN**

	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>	
	<i>Ngày 31 tháng 12</i>	<i>Ngày 31 tháng 12</i>
	<i>năm 2014</i>	<i>năm 2013</i>
Tiền mặt	583.927.934	480.311.286
Tiền gửi ngân hàng	117.278.570.006	208.944.330.146
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>117.862.497.940</b>	<b>209.424.641.432</b>

## **5. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN**

	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>	
	<i>Ngày 31 tháng 12</i>	<i>Ngày 31 tháng 12</i>
	<i>năm 2014</i>	<i>năm 2013</i>
Cho bên liên quan vay (*)	4.893.200.937	4.865.174.650
Ủy thác đầu tư (**)	20.000.000.000	-
Cho Công ty TNHH Phú Cường Nha Trang vay	-	355.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>24.893.200.937</b>	<b>5.220.174.650</b>



(\*) Đây là khoản cho vay ủy thác không có tài sản đảm bảo tại Công ty Tài chính Cổ phần Xi măng để công ty này cho Công ty TNHH Một thành viên Xi măng Vicem Tam Điệp vay bổ sung vốn lưu động theo Hợp đồng số 02/2014/HĐUTCV/CFC – HOM ngày 7 tháng 1 năm 2014. Khoản cho vay này có thời hạn là 12 tháng, được hưởng lãi suất là 9%/năm, và gốc và lãi vay sẽ được thanh toán khi đáo hạn.

(\*\*) Đây là các khoản ủy thác đầu tư tại Công ty Tài chính Cổ phần Xi măng theo Hợp đồng số 54-210814/UTQLV-CFC ngày 21 tháng 8 năm 2014, sẽ đáo hạn vào ngày 21 tháng 8 năm 2015, và được hưởng lãi suất 6%/năm.

## 6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

### 6.1 Phải thu khách hàng

	<i>Đơn vị tính:</i>	
	<i>VNĐ</i>	
	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2014</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2013 (Trình bày lại)</i>
Phải thu ngắn hạn từ khách hàng	57.956.440.878	119.116.650.683
Phải thu ngắn hạn từ các bên liên quan (Thuyết minh số 30)	657.160.850	279.558.475
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>58.613.601.728</u></b>	<b><u>119.396.209.158</u></b>
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	(3.060.675.032)	(2.705.675.032)

### 6.2 Trả trước cho người bán

	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>	
	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2014</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2013</i>
Trả trước cho người bán	56.665.141.636	6.848.918.164
Trả trước cho các bên liên quan (Thuyết minh số 30)	4.278.583.800	3.470.210.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>60.943.725.436</u></b>	<b><u>10.319.128.164</u></b>

## 7. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>	
	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2014</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2013</i>

Phải thu tiền dầu Công ty Cổ phần Vật liệu xây dựng Dầu khí Nghệ An	299.094.057	305.373.000
Khoản cho Công ty TNHH Phú Cường Nha Trang (*)	355.000.000	-
Phải thu lãi cho vay	73.504.680	100.287.500
Tiền bồi thường từ bảo hiểm	-	204.735.100
Phải thu thuế thu nhập cá nhân	-	184.298.760
Các khoản phải thu khác	1.024.844.102	1.486.967.420
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.752.442.839</b>	<b>2.281.661.780</b>

(\*) Đây là khoản cho Công ty TNHH Phú Cường Nha Trang vay từ cuối năm 2011 và đến hạn thanh toán lãi và gốc vào cuối năm 2012. Công ty đã trích lập dự phòng toàn bộ khoản phải thu này tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 (Thuyết minh số 6.1).

## 8. HÀNG TỒN KHO

	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>	
	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2014</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2013</i>
Nguyên liệu, nhiên liệu tồn kho	40.267.861.270	24.068.134.067
Vật tư, phụ tùng, công cụ, dụng cụ	240.217.980.956	210.051.584.731
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	43.724.883.378	80.521.532.212
Thành phẩm	21.395.837.986	14.580.044.337
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>345.606.563.590</b>	<b>329.221.295.347</b>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(2.674.712.179)	(2.507.347.605)

Một phần hàng tồn kho đã được dùng làm tài sản đảm bảo cho khoản vay ngắn hạn như được trình bày trong Thuyết minh số 16.

### **Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho:**

	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>	
	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2014</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2013</i>
Số đầu năm	2.507.347.605	2.577.903.405
Dự phòng trích lập trong năm	895.174.717	-
Sử dụng và hoàn nhập dự phòng trong năm	(727.810.143)	(70.555.800)
<b>Số cuối năm</b>	<b>2.674.712.179</b>	<b>2.507.347.605</b>

## 9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN

	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>	
	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2014</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2013</i>
Chi phí bảo hiểm	1.478.955.563	1.480.404.462
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	66.428.410	185.110.487
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.545.383.973</b>	<b>1.665.514.949</b>

## 10. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU NHÀ NƯỚC

Thuế và các khoản phải thu Nhà nước tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là tiền thuê đất cho năm 2013 và 2014 được giảm và sẽ được cân trừ vào nghĩa vụ tiền thuê đất các năm tiếp theo dựa trên Quyết định miễn giảm tiền thuê đất số 2503/QĐ-CT do Cục thuế Nghệ An ban hành ngày 5 tháng 12 năm 2014.

## 11. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>	
	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2014</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2013</i>
Tạm ứng cho cán bộ, công nhân viên	1.473.416.520	2.914.282.999
Tài sản thiếu chờ xử lý	23.949.597	23.949.597
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.497.366.117</b>	<b>2.938.232.596</b>

## 12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Trang thiết bị văn phòng	Tổng cộng
<b>Nguyên giá:</b>					
Số đầu năm	717.676.288.182	1.998.998.404.723	39.639.729.100	8.732.352.656	2.765.046.774.661
- Mua trong năm	-	6.435.960.290	716.911.813	5.790.938.000	12.943.810.103
- Xây dựng cơ bản dở dang hoàn thành	6.917.426.845	13.644.807.507	358.840.897	-	20.921.075.249
- Phân loại lại	-	6.923.508.312	-	(6.923.508.312)	-
- Giảm khác	(21.011.503)	-	-	-	(21.011.503)
Số cuối năm	<u>724.572.703.524</u>	<u>2.026.002.680.832</u>	<u>40.715.481.810</u>	<u>7.599.782.344</u>	<u>2.798.890.648.510</u>
<i>Trong đó:</i>					
<i>Đã khấu hao hết</i>	-	69.991.774.641	22.202.512.183	2.928.783.629	95.123.070.453
<b>Giá trị hao mòn lũy kế:</b>					
Số đầu năm	213.976.720.675	1.262.903.751.256	26.920.454.212	5.621.927.432	1.509.422.853.575
- Khấu hao trong năm	24.612.947.772	93.885.614.194	2.363.023.513	657.605.924	121.519.191.403
- Phân loại lại	-	4.515.620.308	-	(4.515.620.308)	-
Số cuối năm	<u>238.589.668.447</u>	<u>1.361.304.985.758</u>	<u>29.283.477.725</u>	<u>1.763.913.048</u>	<u>1.630.942.044.978</u>
<b>Giá trị còn lại:</b>					
Số đầu năm	<u>503.699.567.507</u>	<u>736.094.653.467</u>	<u>12.719.274.888</u>	<u>3.110.425.224</u>	<u>1.255.623.921.086</u>
Số cuối năm	<u>485.983.035.077</u>	<u>664.697.695.074</u>	<u>11.432.004.085</u>	<u>5.835.869.296</u>	<u>1.167.948.603.532</u>
<i>Trong đó:</i>					
<i>Tài sản dùng để thế chấp (*)</i>	327.177.307.170	100.631.805.503	-	-	427.809.112.673

(\*) Một phần nhà cửa, vật kiến trúc và máy móc thiết bị với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là khoảng 427,8 tỷ đồng đã được dùng làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn từ các ngân hàng (xem Thuyết minh số 16), trong đó, một số tài sản với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là khoảng 100 tỷ đồng đã được Công ty dùng để thế chấp cho khoản vay ngắn hạn từ Ngân hàng TMCP Quốc tế – Chi nhánh Nghệ An theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 0035/HDDTD2-VIB404/14 ngày 9 tháng 7 năm 2014. Khoản vay này đã được Công ty tất toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 nhưng Công ty chưa hoàn thành xong các thủ tục giải chấp các tài sản liên quan.

### 13. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

*Đơn vị tính: VNĐ*  
*Phần mềm máy tính*

**Nguyên giá:**

Số đầu năm	1.361.153.370
- Mua trong năm	150.000.000
Số cuối năm	<u>1.511.153.370</u>

**Giá trị hao mòn lũy kế:**

Số đầu năm	462.338.025
- Hao mòn trong năm	269.472.752
Số cuối năm	<u>731.810.777</u>

**Giá trị còn lại:**

Số đầu năm	898.815.345
Số cuối năm	<u><u>779.342.593</u></u>

### 14. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒI DANG

*Đơn vị tính: VNĐ*

*Ngày 31 tháng 12*

*Ngày 31 tháng*  
*12 năm 2014*

*năm 2013*  
*(Trình bày lại)*

Mỏ đá vôi giai đoạn III	3.378.402.367	3.484.307.420
Khu nhà ở cán bộ công nhân viên Quỳnh Vinh	495.060.000	495.060.000
Dây chuyền sản xuất tro bay	2.445.437.615	2.446.253.609

Tổ hợp nhà thương mại Vinh	707.528.924	707.528.924
Dự án Hoàng Mai II	10.998.163.385	6.746.842.841
Kết dính phụ gia và cân định lượng	-	1.533.795.714
Dự án Khu đô thị Vicem Hoàng Mai (*)	1.352.902.250	1.352.902.250
Dây chuyền sản xuất đá vật liệu xây dựng	3.594.901.663	11.037.000
Các công trình khác	855.247.005	356.735.119
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>23.827.643.209</u></b>	<b><u>17.134.462.877</u></b>

(\*) Theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 06/NQ.HĐQT ngày 23 tháng 5 năm 2012, Hội đồng Quản trị quyết định tạm dừng triển khai dự án Khu đô thị Vicem Hoàng Mai. Đến thời điểm hiện tại, Công ty và các đối tác liên quan chưa quyết toán các chi phí đã phát sinh liên quan đến dự án này.

## 15. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>	
	<i>Ngày 31 tháng 12</i>	<i>Ngày 31 tháng 12</i>
	<i>năm 2014</i>	<i>năm 2013</i>
		<i>(Trình bày lại)</i>
Giá trị thương hiệu góp vốn của Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam (*)	25.214.052.287	32.972.222.222
Chi phí sửa chữa lớn tài sản chờ phân bổ	22.598.318.443	16.814.884.931
Chi phí vật tư, công cụ, dụng cụ	549.603.771	6.183.402.998
Chi phí trả trước dài hạn khác	1.446.069.446	204.114.517
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>49.808.043.947</u></b>	<b><u>56.174.624.668</u></b>

(\*) Theo Quyết định số 1709/QĐ-XMVN do Hội đồng Quản trị của Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam ban hành ngày 12 tháng 10 năm 2007 về giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa của Công ty Xi măng Hoàng Mai (tên trước đây của Công ty), giá trị thương hiệu đã được định giá với số tiền là 50.000.000.000 VNĐ và được Công ty ghi nhận là chi phí trả trước dài hạn và vốn cổ phần đã góp của Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam (Thuyết minh số 23.1).

Trong giai đoạn từ ngày 1 tháng 7 năm 2007 đến ngày 31 tháng 12 năm 2010, Công ty phân bổ giá trị thương hiệu nói trên vào chi phí hàng năm trong thời gian là 20 năm. Trong năm 2011, Công ty đã ngừng phân bổ giá trị thương hiệu. Sau đó, Công ty tiếp tục phân bổ giá trị còn lại của giá trị thương hiệu này trong vòng 10 năm kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2012. Trong năm 2014, Công ty tiến hành phân bổ lại giá trị còn lại của giá trị thương hiệu trong vòng 10 năm kể

từ ngày 1 tháng 4 năm 2008 dựa trên hướng dẫn của Thông tư số 138/2012/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 20 tháng 8 năm 2012 về việc hướng dẫn phân bổ giá trị lợi thế kinh doanh đối với công ty cổ phần được chuyển đổi từ công ty nhà nước.

## 16. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>	
	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2014</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2013</i>
Vay ngắn hạn (*)	465.611.812.226	496.496.953.091
Vay dài hạn đến hạn phải trả (Thuyết minh số 22)	157.269.599.951	157.229.700.195
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>622.881.412.177</u></b>	<b><u>653.726.653.286</u></b>

(\*) Chi tiết các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng được trình bày như sau:

<i>Ngân hàng</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2014 (VNĐ)</i>	<i>Kỳ hạn trả gốc và lãi</i>	<i>Lãi suất khoản vay</i>	<i>Hình thức đảm bảo</i>
Các khoản vay từ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Bắc Nghệ An theo hợp đồng tín dụng số 14180089/2014-HDTHDM/NHCT444-XIMANGHOANGMAI ngày 20 tháng 5 năm 2014.	380.593.426.839	Nợ gốc sẽ được trả sau 6 tháng kể từ ngày nhận nợ. Tiền lãi được trả vào ngày 26 hàng tháng.	4,4% – 5,3%	Thế chấp bằng hàng tồn kho luân chuyển của Công ty với giá trị tối thiểu tại mọi thời điểm là 200 tỷ VNĐ, và các quyền thu hồi nợ bán hàng và các lợi ích liên quan đến số hàng tồn kho này.
Các khoản vay từ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Phú Diễn theo Hợp đồng tín dụng số 01/2014/818422/HĐTDHM ngày 25 tháng 7 năm 2014.	85.018.385.387	Nợ gốc sẽ được thanh toán sau 6 tháng kể từ ngày nhận nợ. Tiền lãi được trả vào ngày 25 hàng tháng.	4,4% – 5,2%	Thế chấp bằng tài sản cố định hình thành từ vốn vay theo Hợp đồng thế chấp số 01/2007/HĐTC ngày 25 tháng 12 năm 2007, với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là khoảng 327,7 tỷ VNĐ.
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>465.611.812.226</u></b>			



## 17. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>	
	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2014</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2013</i>
Phải trả cho người bán	45.327.299.028	61.013.423.967
Phải trả cho các bên liên quan (Thuyết minh số 30)	82.348.675.717	87.618.031.256
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>127.675.974.745</b>	<b>148.631.455.223</b>

## 18. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>	
	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2014</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2013 (Trình bày lại)</i>
Thuế giá trị gia tăng	-	7.871.417.345
Thuế thu nhập doanh nghiệp (Thuyết minh số 29.2)	527.933.268	-
Thuế thu nhập cá nhân	19.913.341	70.328.092
Thuế tài nguyên	680.318.611	1.184.754.224
Phí cấp quyền khai thác khoáng sản (*)	2.209.912.000	-
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	76.651.237	399.769.896
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>3.514.728.457</b>	<b>9.526.269.557</b>

(\*) Đây là phí cấp quyền khai thác khoáng sản cho năm 2014 được Công ty trích trước theo hướng dẫn tại Nghị định số 203/2013/NĐ-CP do Chính phủ ban hành ngày 28 tháng 11 năm 2013 về phương pháp tính và mức thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, và Quyết định số 92/QĐ-BTNMT ngày 16 tháng 1 năm 2015 và Quyết định số 3022/QĐ-BTNMT ngày 25 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đối với mỏ đá vôi và mỏ sét đang được Công ty khai thác (xem thêm Thuyết minh số 33).

## 19. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

Đơn vị tính: VNĐ

Ngày 31 tháng 12 năm 2014      Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Chi phí lãi vay phải trả	10.940.029.407	15.074.172.882
Phí bảo lãnh cho các khoản vay phải trả	1.393.132.942	420.856.062
Trích trước chi phí khuyến mại	2.292.030.951	3.089.740.364
Trích trước chi phí tiền điện	3.224.803.678	4.095.865.290
Trích trước phí vận tải, bốc xếp	-	2.417.753.473
Trích trước chi phí cải tạo môi trường	559.000.200	-
Trích trước chi phí quảng cáo	1.865.992.234	-
Trích trước chi phí dịch vụ tư vấn	409.000.000	353.860.932
Trích trước chi phí phải trả cán bộ nhân viên	4.500.000.000	-
Chi phí phải trả khác	1.095.033.883	524.600.480
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>26.279.023.295</b>	<b>25.976.849.483</b>

## 20. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

Đơn vị tính: VNĐ

Ngày 31 tháng 12 năm 2014      Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Cổ tức phải trả cho cổ đông	2.174.381.150	12.341.211.150
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn	129.471.252	883.455.013
Phải trả bảo hiểm xã hội thị xã Hoàng Mai	637.309.377	-
Phải trả các thành viên góp vốn vào Ban quản lý Dự án Khu Đô thị Vicem Hoàng Mai	2.572.139.200	2.572.139.200
Tiền ủng hộ phải trả cho Ban vận động "Quỹ vì người nghèo"	1.049.819.453	627.978.606
Thuế giá trị gia tăng phải nộp theo Biên bản thanh tra của Thanh tra Chính phủ	888.102.746	888.102.746
Giá trị hàng hóa dịch vụ nhận bàn giao chưa có đầy đủ chứng từ theo hợp đồng(*)	-	28.207.855.508
Phụ cấp ăn ca, độc hại	561.725.000	545.125.000
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	763.939.457	989.054.554
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>8.776.887.635</b>	<b>47.054.921.777</b>

Trong đó:

Cổ tức phải trả công ty mẹ	-	10.091.800.000
Phải trả, phải nộp cho các bên khác	8.776.887.635	36.963.121.777

(\*) Công ty đã phân loại giá trị hàng hóa, dịch vụ nhận bàn giao nhưng chưa có đầy đủ chứng từ theo hợp đồng tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 sang khoản mục phải trả người bán trên bảng cân đối kế toán.

## 21. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>	
	<i>Ngày 31 tháng</i>	<i>Ngày 31 tháng</i>
	<i>12 năm 2014</i>	<i>12 năm 2013</i>
Số dư đầu năm	5.317.715.928	11.299.337.011
Trích lập trong năm (Thuyết minh số 23.1)	-	17.166.666.666
Sử dụng trong năm	(3.458.356.700)	(23.148.287.749)
Số dư cuối năm	<u>1.859.359.228</u>	<u>5.317.715.928</u>

## 22. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>	
	<i>Ngày 31 tháng</i>	<i>Ngày 31 tháng</i>
	<i>12 năm 2014</i>	<i>12 năm 2013</i>
Vay dài hạn đối tượng khác	271.509.530.583	377.502.255.324
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>271.509.530.583</u></b>	<b><u>377.502.255.324</u></b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 16)</i>	<i>157.269.599.951</i>	<i>157.229.700.195</i>
<i>Vay dài hạn</i>	<i>114.239.930.632</i>	<i>220.272.555.129</i>

Chi tiết khoản vay dài hạn từ đối tượng khác như sau:

<i>Bên cho vay</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2014</i>		<i>Kỳ hạn trả gốc và lãi</i>	<i>Lãi suất</i>	<i>Hình thức đảm bảo</i>
	<i>VNĐ</i>	<i>Nguyên tệ (US D)</i>			
Vay từ Quỹ hỗ trợ Công nghiệp và Phát triển kinh tế Á-rập theo Hợp đồng cho vay lại giữa Bộ Tài chính và Công ty Xi măng Hoàng Mai ngày 24 tháng 11 năm 1999.	16.121.389.588	758.796	Nợ gốc và lãi bắt đầu được thanh toán từ năm 2005 thành 20 kỳ hạn bán niên, ngày trả nợ hàng năm là ngày 10 tháng 3 và ngày 10 tháng 9.	4,2%/năm	Tín chấp
<i>Trong đó nợ dài hạn đến hạn trả</i>	<i>4.036.715.354</i>	<i>189.999</i>			
Vay Quỹ tích lũy trả nợ nước ngoài Bộ Tài chính theo Hợp đồng vay vốn số 01/2007 HĐ ngày 31 tháng 5 năm 2007.	255.388.140.995		Thời hạn vay là 10 năm, trong đó có 3 năm ân hạn; Thời gian ân hạn bắt đầu được tính từ ngày 31 tháng 12 năm 2006.		
<i>Trong đó nợ dài hạn đến hạn trả</i>	<i>153.232.884.597</i>		Nợ gốc và lãi được thanh toán thành 14 kỳ, mỗi năm 2 kỳ vào ngày 30 tháng 6 và ngày 31 tháng 12. Kỳ trả nợ gốc và lãi đầu tiên là ngày 30 tháng 6 năm 2010.	7,8%/năm	Tín chấp
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>271.509.530.583</u></b>				
<i>Trong đó nợ dài hạn đến hạn trả</i>	<i><u>157.269.599.951</u></i>				

## 23. VỐN CHỦ SỞ HỮU

### 23.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

*Đơn vị tính: VNĐ*

	<i>Vốn cổ phần (*)</i>	<i>Thặng dư vốn cổ phần</i>	<i>Cổ phiếu quỹ</i>	<i>Quỹ đầu tư phát triển</i>	<i>Quỹ dự phòng tài chính</i>	<i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</i>	<i>Tổng cộng</i>
<b>Năm trước</b>							
Số đầu năm	720.000.000.000	19.138.086.811	(28.199.462.462)	85.906.072.577	22.114.914.693	112.709.291.971	931.668.903.590
- Lợi nhuận trong năm (Trình bày lại)	-	-	-	-	-	48.882.499	48.882.499
- Trích lập quỹ đầu tư phát triển và quỹ dự phòng tài chính	-	-	-	20.678.560.706	5.635.464.599	(26.314.025.305)	-
- Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh số 21)	-	-	-	-	-	(17.166.666.666)	(17.166.666.666)
- Chia cổ tức	-	-	-	-	-	(69.228.600.000)	(69.228.600.000)
Số cuối năm (Trình bày lại)	<u>720.000.000.000</u>	<u>19.138.086.811</u>	<u>(28.199.462.462)</u>	<u>106.584.633.283</u>	<u>27.750.379.292</u>	<u>48.882.499</u>	<u>845.322.519.423</u>
<b>Năm nay</b>							
Số đầu năm(Trình bày lại)	720.000.000.000	19.138.086.811	(28.199.462.462)	106.584.633.283	27.750.379.292	48.882.499	845.322.519.423
- Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	43.133.535.833	43.133.535.833
- Trích quỹ đầu tư phát triển (**)	-	-	-	1.502.639.818	-	(1.502.639.818)	-
Số cuối năm	<u>720.000.000.000</u>	<u>19.138.086.811</u>	<u>(28.199.462.462)</u>	<u>108.087.273.101</u>	<u>27.750.379.292</u>	<u>41.679.778.514</u>	<u>888.456.055.256</u>

(\*) Bao gồm trong vốn cổ phần đã góp của Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và ngày 31 tháng 12 năm 2014 là giá trị lợi thế doanh nghiệp với số tiền là 50.000.000.000 đồng Việt Nam, tương đương với 5.000.000 cổ phần như được trình bày tại Thuyết minh số 15.

(\*\*) Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận năm 2013 theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên số 20/2014/NQ.ĐHĐCĐ ngày 23 tháng 4 năm 2014.

### 23.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 như sau:

<i>Cổ đông</i>	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>			
	<i>Số cuối năm</i>		<i>Số đầu năm</i>	
	<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>Tỷ lệ</i>	<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>Tỷ lệ</i>
	<i>VNĐ</i>	<i>%</i>	<i>VNĐ</i>	<i>%</i>
Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam	510.918.000.000	70,96	510.918.000.000	70,96
Các cổ đông khác	209.082.000.000	29,04	209.082.000.000	29,04
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>720.000.000.000</b>	<b>100,00</b>	<b>720.000.000.000</b>	<b>100,00</b>

### 23.3 Cổ phiếu phổ thông và cổ phiếu ưu đãi

	<i>Số lượng cổ phiếu cuối năm</i>	<i>Số lượng cổ phiếu đầu năm</i>
Cổ phiếu đăng ký phát hành	72.000.000	72.000.000
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành và được góp vốn đầy đủ	72.000.000	72.000.000
Cổ phiếu quỹ (cổ phiếu phổ thông)	(2.771.400)	(2.771.400)
Cổ phiếu phổ thông đang được lưu hành	69.228.600	69.228.600

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng Việt Nam (2013: 10.000 đồng Việt Nam).

## 24. DOANH THU

### 24.1 Doanh thu bán hàng

	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
<b>Tổng doanh thu bán hàng</b>	<b>1.804.524.339.995</b>	<b>1.623.731.697.168</b>

Doanh thu bán xi măng và clinker	1.748.147.504.914	1.561.178.304.499
Doanh thu bán sản phẩm khác	56.376.835.081	62.553.392.669
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>(58.816.147.638)</b>	<b>(61.925.515.503)</b>
Chiết khấu thương mại	(58.816.147.638)	(61.211.143.613)
<i>Chiết khấu bán xi măng và clinker</i>	<i>(56.562.262.703)</i>	<i>(59.066.976.360)</i>
<i>Chiết khấu bán sản phẩm khác</i>	<i>(2.253.884.935)</i>	<i>(2.144.167.253)</i>
Giảm giá bán clinker	-	(714.371.890)
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>1.745.708.192.357</b>	<b>1.561.806.181.665</b>
Trong đó:		
<i>Doanh thu thuần bán xi măng và clinker</i>	<i>1.691.585.242.211</i>	<i>1.501.396.956.249</i>
<i>Doanh thu thuần bán sản phẩm khác</i>	<i>54.122.950.146</i>	<i>60.409.225.416</i>

## 24.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	2.203.864.028	3.255.958.755
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	1.951.424	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>2.205.815.452</b>	<b>3.255.958.755</b>

## 25. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i> <i>(Trình bày lại)</i>
Giá vốn bán xi măng và clinker	1.414.612.256.088	1.293.864.854.392
Giá vốn bán sản phẩm khác	46.528.101.683	46.516.277.014
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.461.140.357.771</b>	<b>1.340.381.131.406</b>

## 26. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí lãi vay	48.504.482.384	73.123.605.784
Phí bảo lãnh các khoản vay	972.276.880	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	179.297.133	214.025.775
Phí bảo lãnh thanh toán	1.643.313.333	-
Chiết khấu thanh toán	1.845.069.115	360.814.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>53.144.438.845</b>	<b>73.698.445.559</b>

## 27. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
<b>Thu nhập khác</b>	<b>4.080.913.555</b>	<b>6.031.310.610</b>
Thu phạt hợp đồng	1.679.986.917	2.468.744.022
Thu nhập khác	2.400.926.638	3.562.566.588
<b>Chi phí khác</b>	<b>(1.512.596.544)</b>	<b>(1.865.065.891)</b>
Chi phí khác	(1.512.596.544)	(1.865.065.891)
<b>Giá Trị Thuần</b>	<b><u>2.568.317.011</u></b>	<b><u>4.166.244.719</u></b>

## 28. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i> <i>(Trình bày lại)</i>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	771.840.612.657	706.219.657.054
Chi phí nhân công	120.476.421.123	108.556.069.017
Chi phí khấu hao và hao mòn	121.788.664.155	121.521.685.413
Chi phí dịch vụ mua ngoài	433.986.550.171	324.771.522.597
Chi phí khác	226.796.480.994	211.409.909.706
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>1.674.888.729.100</u></b>	<b><u>1.472.478.843.787</u></b>

## 29. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp (“TNDN”) hiện hành áp dụng cho Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 22% lợi nhuận chịu thuế.

Theo Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư số 02-UB ngày 10 tháng 7 năm 1998 do UBND tỉnh Nghệ An cấp, Công ty được miễn thuế TNDN trong 3 năm tính từ năm đầu tiên kinh doanh có lợi nhuận chịu thuế (là năm 2008) và được giảm 50% đối với thuế suất thuế TNDN áp dụng cho Công ty trong 7 năm tiếp theo.

Các quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi về sau theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.



## 29.1 Chi phí thuế TNDN

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	2.472.016.419	-
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu các năm trước	-	725.928.204
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	7.188.279	5.175.575.397
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>2.479.204.698</u></b>	<b><u>5.901.503.601</u></b>

## 29.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Dưới đây là đối chiếu lợi nhuận thuần trước thuế và thu nhập chịu thuế:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>45.612.740.531</b>	<b>5.950.386.100</b>
<b>Các điều chỉnh tăng/(giảm) lợi nhuận theo kế toán</b>		
Các chi phí không được trừ	4.685.194.752	7.629.331.858
Chi phí khấu hao không theo quy định về thuế TNDN	(20.702.475.113)	(20.702.301.589)
<b>Thu nhập chịu thuế/(lỗ thuế) ước tính trong năm hiện hành</b>	<b><u>29.595.460.170</u></b>	<b><u>(7.122.583.631)</u></b>
<b>Lỗ lũy kế mang sang</b>	<b><u>(7.122.583.631)</u></b>	<b><u>-</u></b>
<b>Thu nhập tính thuế ước tính trong năm hiện hành</b>	<b>22.472.876.539</b>	
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành ước tính</b>	<b>4.944.032.838</b>	<b>-</b>
Giảm 50% thuế TNDN theo Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư	(2.472.016.419)	-
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu các năm	-	725.928.204

trước

<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành ước tính sau miễn giảm và điều chỉnh</b>	<b>2.472.016.419</b>	<b>725.928.204</b>
<b>Thuế TNDN (trả trước)/phải trả đầu năm</b>	<b>(426.134.082)</b>	<b>7.531.067.384</b>
Thuế TNDN đã trả trong năm	(1.517.949.069)	(8.683.129.670)
<b>Thuế TNDN phải trả/(trả trước) cuối năm</b>	<b>527.933.268</b>	<b>(426.134.082)</b>

### 29.3 Thuế thu nhập hoãn lại

*Đơn vị tính: VNĐ*

*Báo cáo kết quả*

*hoạt động kinh doanh*

	<i>Bảng cân đối kế toán</i>		<i>hoạt động kinh doanh</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
<b>Thuế thu nhập hoãn lại phải trả</b>				
Chênh lệch tạm thời phát sinh từ cách tính khấu hao tài sản cố định	20.673.635.231	20.666.446.952	(7.188.279)	(5.175.575.397)
	<b>20.673.635.231</b>	<b>20.666.446.952</b>		
<b>Chi phí thuế thu nhập hoãn lại tính vào kết quả hoạt động kinh doanh</b>			<b>(7.188.279)</b>	<b>(5.175.575.397)</b>

### 30. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm bao gồm:

*Đơn vị tính: VNĐ*

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Giá trị</i>
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Bút Sơn	Cùng Công ty mẹ	Mua clinker	18.780.472.618
		Phí gia công xi măng	8.717.471.887
Công ty Cổ phần Vicem Bao bì Bút Sơn	Cùng Công ty mẹ	Mua vỏ bao xi măng	92.150.180.000
Công ty TNHH Một thành viên Xi măng Vicem Tam Điệp	Cùng Công ty mẹ	Mua xi măng	15.274.866.325
Công ty Cổ phần Vicem Vật liệu Xây dựng Đà	Cùng Công ty mẹ	Mua vỏ bao xi măng Doanh thu bán xi	35.546.595.000 5.205.731.822

Năng		mãng	
Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1	Cùng Công ty mẹ	Mua Clinker	1.273.674.769
		Phí gia công và vận chuyển	357.281.766
		Mua cát tiêu chuẩn	175.524.000
Công ty Cổ phần Vicem Vật tư vận tải xi măng	Cùng Công ty mẹ	Mua than cám	276.907.190.74
Công ty Tài chính Cổ phần Xi măng	Cùng Công ty mẹ	Ủy thác đầu tư	20.000.000.000
		Cho vay	19.695.955.237
		Thu hồi khoản cho vay	19.667.928.950
		Thu nhập lãi vay	2.086.420.012
Công ty Cổ phần Xi măng Bim Sơn	Cùng Công ty mẹ	Mua xi măng	23.199.969.134
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hải Vân	Cùng Công ty mẹ	Mua clinker	2.744.570.692
		Phí gia công	1.231.883.201
Công ty Tư vấn Đầu tư Phát triển Xi măng	Công ty nhận vốn đầu tư của Công ty mẹ	Chi phí giám sát thăm dò mỏ đá vôi	605.766.909
Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam	Công ty mẹ	Chi trả cổ tức	10.091.800.000
		Phí hệ thống làm kín lò nung bằng Graphit	13.644.807.507
		Mua thạch cao	43.284.383.445
		Phí tư vấn (*)	21.617.773.468
		Bán xi măng	449.827.272

(\*) Theo Hợp đồng số 2120/VICEM-HĐKT ngày 1 tháng 1 năm 2014, Công ty mẹ sẽ tư vấn, hỗ trợ và chuyển giao cho Công ty bí quyết quản trị doanh nghiệp nhằm tối ưu hóa hiệu quả sản xuất kinh doanh, và tính phí cho các dịch vụ này trên doanh thu thuần từ tiêu thụ xi măng và clinker cũng như doanh thu tiêu thụ xi măng gia công ngoài và sản phẩm khác, thu nhập khác phát sinh hàng năm.

*Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với các bên liên quan:*

Công ty cho vay các bên liên quan, bán hàng cũng như mua hàng hóa, dịch vụ từ các bên liên quan trên cơ sở thỏa thuận theo hợp đồng.

Số dư các khoản phải thu, phải trả tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2014 không cần bảo đảm, không có lãi suất và sẽ được thanh toán bằng tiền.

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014, Công ty chưa trích lập bất cứ một khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi nào liên quan đến số tiền các bên liên quan còn nợ Công ty (ngày 31 tháng 12 năm 2013: mức trích lập dự phòng bằng không). Việc đánh giá này được thực hiện cho mỗi năm thông qua việc kiểm tra tình hình tài chính của bên liên quan.

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, ngoài các khoản cho bên liên quan vay/ủy thác đầu tư như được trình bày tại Thuyết minh số 5, các khoản phải thu và phải trả khác với các bên liên quan như sau:

<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>			
<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Số tiền</i>
<b><i>Phải thu khách hàng</i></b> (Thuyết minh số 6.1)			
Công ty TNHH Một thành viên Vicem Hoàng Thạch	Cùng Công ty mẹ	Phải thu tiền bán clinker	19.550.850
Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam	Công ty mẹ	Phải thu tiền bán xi măng	637.610.000
			<b><u>657.160.850</u></b>
<b><i>Trả trước cho người bán</i></b> (Thuyết minh số 6.2)			
Công ty TNHH Một thành viên Xi măng Vicem Tam Điệp	Cùng Công ty mẹ	Trả trước tiền mua xi măng	1.125.717.400
Công ty Tư vấn Đầu tư Phát triển Xi măng	Công ty nhận vốn đầu tư của Công ty mẹ	Cung cấp dịch vụ tư vấn thăm dò mỏ đá vôi	3.152.866.400
			<b><u>4.278.583.800</u></b>
<b><i>Phải trả người bán</i></b> (Thuyết minh số 17)			
Công ty Cổ phần Vận tải Xi măng Vicem Vật tư	Cùng Công ty mẹ	Mua than cám	24.184.134.988
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Bút Sơn	Cùng Công ty mẹ	Mua clinker và phí gia công xi măng	3.245.454.253
Công ty TNHH Một thành viên Xi măng Vicem Hải Phòng	Cùng Công ty mẹ	Chi phí quảng cáo	2.000.000.000
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hải Vân	Cùng Công ty mẹ	Mua clinker và phí gia công xi măng	2.419.286.465
Công ty Cổ phần Bút Sơn	Cùng Công ty mẹ	Mua vỏ bao xi măng	13.412.320.000
Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam	Công ty mẹ	Tiền mua thạch cao và phí quản lý	14.101.364.709
Công ty Cổ phần Xi măng Bim Sơn	Cùng Công ty mẹ	Mua xi măng rời	7.629.430.302
Công ty Cổ phần Vicem Vật	Cùng Công ty mẹ	Tiền mua vỏ bao	15.226.160.000

liệu Xây dựng Đà Nẵng	Phí tư vấn khảo sát địa hình	130.525.000
Công ty Cổ phần Vicem Đô thị Cùng Công ty mẹ		
Xi măng Hải Phòng		
		<b>82.348.675.717</b>

*Các giao dịch với các bên liên quan khác*

Thu nhập của các thành viên của Ban Giám đốc:

	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Lương và thưởng	1.925.014.992	2.125.378.463
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.925.014.992</b>	<b>2.125.378.463</b>

### 31. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu:

	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	43.133.535.833	48.882.499
Lợi tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi	-	-
<b>Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông sau khi đã điều chỉnh cho các yếu tố suy giảm</b>	<b>43.133.535.833</b>	<b>48.882.499</b>
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông	69.228.600	69.228.600

(không bao gồm cổ phiếu quỹ) để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu

Ảnh hưởng suy giảm

**Bình quân giá quyền của số cổ phiếu phổ thông (không bao gồm cổ phiếu quỹ) đã điều chỉnh cho các yếu tố suy giảm**

-	-
<b>69.228.600</b>	<b>69.228.600</b>

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào trong năm và cho đến ngày hoàn thành báo cáo tài chính có thể có ảnh hưởng suy giảm lãi trên mỗi cổ phiếu.

### 32. ĐIỀU CHỈNH DỮ LIỆU TƯƠNG ỨNG

Căn cứ theo Báo cáo kiểm toán của Kiểm toán Nhà nước, Công ty đã thực hiện các điều chỉnh hồi tố đối với báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013. Các điều chỉnh này chủ yếu bao gồm các điều chỉnh về nghĩa vụ thuế như sau:

- tăng thuế giá trị gia tăng đầu ra phải nộp với số tiền là 879.721.024 đồng Việt Namliên quan đến chi phí khuyến mại bằng hiện vật không đúng quy định;
- tăng thuế tài nguyên phải nộp với số tiền là 297.144.325 đồng Việt Nam.

*Đơn vị tính: VNĐ*

	<i>Số liệu đã được trình bày trước đây</i>	<i>Số điều chỉnh</i>	<i>Số liệu được trình bày lại</i>
<b><i>Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2013</i></b>			
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(2.762.052.012)	56.376.980	(2.705.675.032)
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	17.225.683.287	(91.220.410)	17.134.462.877
Chi phí trả trước dài hạn	56.392.455.556	(217.830.888)	56.174.624.668
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	8.325.186.556	1.201.083.001	9.526.269.557
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	1.502.639.818	(1.453.757.319)	48.882.499
<b><i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013</i></b>			
Giá vốn hàng bán	1.339.808.609.921	572.521.485	1.340.381.131.406
Chi phí bán hàng	79.299.185.176	879.721.024	80.178.906.200

Chi phí quản lý doanh nghiệp	69.018.001.064	1.514.810	69.019.515.874
Lợi nhuận sau thuế TNDN	1.502.639.818	(1.453.757.319)	48.882.499

### 33. CÁC CAM KẾT VÀ CÁC KHOẢN NỢ TIỀM TÀNG

#### Cam kết tiền thuê đất

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản tiền thuê đất phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Đến 1 năm	3.787.384.730	3.787.384.730
Từ 1 - 5 năm	15.149.538.919	15.149.538.919
Trên 5 năm	25.050.270.210	28.837.654.940
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>43.987.193.859</u></b>	<b><u>47.774.578.589</u></b>

#### Cam kết và nợ tiềm tàng về phí cấp quyền khai thác khoáng sản

Theo Nghị định số 203/2013/NĐ-CP do Chính phủ ban hành ngày 28 tháng 11 năm 2013, Công ty có nghĩa vụ nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản cho khoáng sản được khai thác từ mỏ đá và mỏ đất sét của Công ty từ ngày 1 tháng 7 năm 2011 đến hết thời hạn trên giấy phép khai khoáng của Công ty. Cam kết về tiền cấp quyền khai thác khoáng sản của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 là khoảng 47 tỷ đồng.

Theo Công văn số 723/TTg-KTN ngày 21 tháng 5 năm 2014, Thủ tướng Chính phủ đã giao Bộ Tài nguyên và Môi trường xem xét việc hồi tố thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản từ ngày 1 tháng 7 năm 2011 đến ngày 20 tháng 1 năm 2014 và trong thời gian Ủy ban Thường vụ Quốc hội chưa có ý kiến, chưa thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản trong giai đoạn từ ngày 1 tháng 7 năm 2011 đến ngày 31 tháng 12 năm 2013. Trên cơ sở đó, Ban Giám đốc Công ty chưa ghi nhận nghĩa vụ nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 7 năm 2011 đến hết năm 2013 trên báo cáo tài chính này.

Ngoài ra, Công ty cũng đang trong quá trình đánh giá lại trữ lượng của mỏ đá vôi để tiến hành các thủ tục xin cấp lại giấy phép khai thác khoáng sản

này theo quy định của Luật Khoáng sản 2010, cũng như xin phê duyệt lại mức phí cấp quyền khai thác khoáng sản đối với mỏ đá vôi.

### **Nợ tiềm tàng về phí bảo lãnh cho các khoản vay**

Theo Văn bản số 82/QLN-NTN ngày 12 tháng 6 năm 2014 của Cục Quản lý nợ và Tài chính đối ngoại, Công ty cần trả phí bảo lãnh cho các khoản vay trong nước phục vụ công tác xây dựng Dự án Xi măng Hoàng Mai cho giai đoạn từ năm 2002 đến tháng 5 năm 2009, với mức phí được quy định bởi Bộ Tài chính (0,5%/năm tính trên dư nợ của khoản vay). Sau đó, vào ngày 28 tháng 10 năm 2014, Bộ Tài chính đã có Văn bản số 15599/BTC-QLN trình Thủ tướng Chính phủ đề nghị truy thu phí khoản phí bảo lãnh nêu trên, với số tiền truy thu cho giai đoạn từ năm giải ngân (năm 2000) đến năm tất toán khoản vay (năm 2009) là 388.753,5 đô la Mỹ, trong đó bao gồm phí bảo lãnh trước thời điểm cổ phần hóa (ước tính là 343.277,7 USD) và sau thời điểm cổ phần hóa (ước tính là 45.475,8 USD). Văn bản này cũng kiến nghị rằng trong trường hợp Công ty đã cổ phần hóa, mà khi xác định giá trị doanh nghiệp trước cổ phần hóa chưa kê khai phí bảo lãnh các khoản vay, thì công ty mẹ của Công ty có nghĩa vụ nộp thay khoản phí này. Văn phòng Chính phủ đã có Văn bản số 8965/VPCP-KTTH ngày 10 tháng 11 năm 2014 trong đó chấp thuận với kiến nghị của Bộ Tài chính.

Tại thời điểm lập báo cáo này, Công ty đang làm việc với Tổng Công ty về nghĩa vụ thanh toán khoản phí bảo trước thời điểm cổ phần hóa (ước tính là 343.277,7 USD). Do đó, Công ty chưa ghi nhận khoản phí bảo lãnh này trên báo cáo tài chính.

## **34. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH**

Nợ phải trả tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm các khoản vay và nợ, các khoản phải trả người bán, các khoản phải trả khác và chi phí phải trả. Mục đích chính của những khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động nguồn tài chính phục vụ các hoạt động của Công ty. Công ty có các khoản cho vay, phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, tiền mặt và tiền gửi ngân hàng phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty. Công ty không nắm giữ hay phát hành công cụ tài chính phái sinh.

Công ty có rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.



Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro của Công ty để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Ban Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau.

### ***Rủi ro thị trường***

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ và tiền gửi.

Các phân tích độ nhạy như được trình bày dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và ngày 31 tháng 12 năm 2013.

Các phân tích độ nhạy này đã được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi và tỷ lệ tương quan giữa các công cụ tài chính có gốc ngoại tệ là không thay đổi.

Khi tính toán các phân tích độ nhạy, Ban Giám đốc giả định rằng:

- độ nhạy của bảng cân đối kế toán liên quan đến các khoản vay và nợ và tiền gửi; và
- độ nhạy của các khoản mục có liên quan trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh bị ảnh hưởng bởi các thay đổi trong giả định về rủi ro thị trường tương ứng dựa trên các tài sản và nợ phải trả tài chính mà Công ty nắm giữ tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và ngày 31 tháng 12 năm 2013.

### ***Rủi ro lãi suất***

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động do thay đổi lãi suất thị trường. Rủi ro

thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay chịu lãi suất thả nổi của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách theo dõi chặt chẽ tình hình thị trường có liên quan, bao gồm thị trường tiền tệ và kinh tế trong nước và quốc tế, để dự tính và điều chỉnh mức đòn bẩy tài chính cũng như chiến lược tài chính theo tình hình hiện tại.

### ***Độ nhạy đối với lãi suất***

Độ nhạy của các khoản vay và nợ đối với sự thay đổi có thể xảy ra ở mức độ hợp lý trong lãi suất được thể hiện như sau. Với giả định là các biến số khác không thay đổi, các biến động trong lãi suất của các khoản vay có lãi suất thả nổi có ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế/lỗ trước thuế của Công ty như sau (tác động đến vốn chủ sở hữu của Công ty là không đáng kể):

	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>	
	<i>Tăng/giảm điểm cơ bản</i>	<i>Ảnh hưởng tăng/(giảm) lợi nhuận trước thuế</i>
<b>Năm nay</b>		
VNĐ	+265	(16.506.357.423)
	-265	16.506.357.423
<b>Năm trước</b>		
VNĐ	+380	(24.841.612.825)
	-380	24.841.612.825

Mức tăng/giảm điểm cơ bản sử dụng để phân tích độ nhạy đối với lãi suất được tính dựa trên mức độ biến động thực tế của các khoản vay ngắn hạn và dài hạn của Công ty trong năm và giả định dựa trên các điều kiện có thể quan sát được của thị trường hiện tại.

### ***Rủi ro ngoại tệ***

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính biến động do thay đổi tỷ giá ngoại tệ hối đoái. Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến các

hoạt động kinh doanh của Công ty (khi doanh thu và chi phí được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng tiền kế toán của Công ty).

Công ty quản lý rủi ro ngoại tệ bằng cách xem xét tình hình thị trường hiện hành và dự kiến khi Công ty lập kế hoạch mua và bán hàng hóa trong tương lai bằng ngoại tệ, ngoại trừ việc tăng tỷ lệ phòng ngừa rủi ro. Công ty không sử dụng bất kỳ công cụ tài chính phái sinh để phòng ngừa rủi ro ngoại tệ của mình.

Rủi ro do sự thay đổi tỷ giá hối đoái với các loại ngoại tệ của Công ty là không đáng kể.

#### ***Rủi ro về giá cổ phiếu***

Công ty không có rủi ro về giá cổ phiếu.

#### ***Rủi ro về giá hàng hóa***

Công ty có rủi ro về giá hàng hóa do thực hiện mua một số loại hàng hoá nhất định như than cám, thạch cao, quặng sắt, quặng bô xít, bao bì, công cụ, dụng cụ và các chất phụ gia. Công ty quản lý rủi ro về giá hàng hóa thông qua việc theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường hàng hóa nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý. Công ty chưa sử dụng các công cụ phái sinh đảm bảo để phòng ngừa các rủi ro về giá hàng hóa.

#### ***Rủi ro tín dụng***

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, nghiệp vụ ngoại hối và các công cụ tài chính khác.

#### ***Phải thu khách hàng***

Công ty quản lý rủi ro tín dụng khách hàng thông qua các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng. Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng chưa thu được. Công ty tìm cách duy trì kiểm soát chặt chẽ đối với các khoản phải thu tồn đọng để giảm thiểu rủi ro tín dụng.

### *Tiền gửi ngân hàng*

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam. Rủi ro tín dụng đối với số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận kế toán của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trong bảng cân đối kế toán tại mỗi năm lập báo cáo chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 4. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Ban Giám đốc của Công ty đánh giá rằng tất cả các tài sản tài chính đều trong hạn và không bị suy giảm vì các tài sản tài chính này đều liên quan đến các khách hàng có uy tín và có khả năng thanh toán tốt ngoại trừ một số khoản phải thu khác khó đòi đã được lập dự phòng (Thuyết minh số 6).

### ***Rủi ro thanh khoản***

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng trên cơ sở đã được chiết khấu:

*Đơn vị tính: VND*

	<i>Bất kỳ thời điểm nào</i>	<i>Dưới 1 năm</i>	<i>Từ 1-5 năm</i>	<i>Tổng cộng</i>
<b>Số cuối năm</b>				
Các khoản vay và nợ	-	622.881.412.177	114.239.930.632	737.121.342.809
Phải trả người bán	127.675.974.745	-	-	127.675.974.745
Chi phí phải trả và	28.339.302.555	-	-	28.339.302.555

các khoản phải trả  
khác

<b>156.015.277.300</b>	<b>622.881.412.177</b>	<b>114.239.930.632</b>	<b>893.136.620.109</b>
------------------------	------------------------	------------------------	------------------------

**Số đầu năm**

Các khoản vay và

nợ

-	653.726.653.286	220.272.555.129	873.999.208.415
---	-----------------	-----------------	-----------------

Phải trả người bán

148.631.455.223	-	-	148.631.455.223
-----------------	---	---	-----------------

Chi phí phải trả

và các khoản phải

trả khác

70.715.088.501	-	-	70.715.088.501
----------------	---	---	----------------

			<b>1.093.345.752.13</b>
--	--	--	-------------------------

<b>219.346.543.724</b>	<b>653.726.653.286</b>	<b>220.272.555.129</b>	<b>9</b>
------------------------	------------------------	------------------------	----------

***Tài sản đảm bảo***

Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo của một bên khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và ngày 31 tháng 12 năm 2013.

### 35. TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty.

	<i>Giá trị ghi sổ</i>				<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>	
					<i>Giá trị hợp lý</i>	
	<i>Số cuối năm</i>		<i>Số đầu năm (Trình bày lại)</i>		<i>Số đầu năm</i>	
	<i>Nguyên giá</i>	<i>Dự phòng</i>	<i>Nguyên giá</i>	<i>Dự phòng</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>(Trình bày lại)</i>
<b>Tài sản tài chính</b>						
Đầu tư ngắn hạn	24.893.200.937	-	5.220.174.650	-	24.893.200.937	5.220.174.650
Phải thu khách hàng	58.613.601.728	(2.705.675.032)	119.396.209.158	(2.705.675.032)	55.907.926.696	116.690.534.126
Phải thu khác	1.752.442.839	(355.000.000)	2.281.661.780	-	1.397.442.839	2.281.661.780
Tiền	117.862.497.940	-	209.424.641.432	-	117.862.497.940	209.424.641.432
	<b>203.121.743.444</b>	<b>(3.060.675.032)</b>	<b>336.322.687.020</b>	<b>(2.705.675.032)</b>	<b>200.061.068.412</b>	<b>333.617.011.988</b>

	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>			
	<i>Giá trị ghi sổ</i>		<i>Giá trị hợp lý</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
<b>Nợ phải trả tài chính</b>				
Các khoản vay và nợ	737.121.342.809	873.999.208.415	737.121.342.809	873.999.208.415
Phải trả người bán	127.675.974.745	148.631.455.223	127.675.974.745	148.631.455.223
Chi phí phải trả và các khoản phải trả khác	28.339.302.555	70.715.088.501	28.339.302.555	70.715.088.501
	<b>893.136.620.109</b>	<b>1.093.345.752.139</b>	<b>893.136.620.109</b>	<b>1.093.345.752.139</b>

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau đây được sử dụng để ước tính giá trị hợp lý:

- Giá trị hợp lý của tiền gửi ngân hàng, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải trả người bán, đầu tư tài chính ngắn hạn và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các khoản vay dài hạn được tạm thời ghi nhận bằng giá trị ghi sổ do Công ty chưa có đủ thông tin để xác định giá trị hợp lý của các khoản vay này tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

### **36. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM**

Không có các sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm có ảnh hưởng trọng yếu hoặc có thể gây ảnh hưởng trọng yếu đến hoạt động của Công ty và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty.

Hoàng Mai, ngày 16 tháng 04 năm 2015

**TỔNG GIÁM ĐỐC**



**Đương Đình Hội**